SSI

Sức Mạnh Của Nhà Đầu Tư

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008

>>> TRUNG THỰC >>> CHUYÊN NGHIỆP >>> BẢO MẬT







MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh (VNĐ)	2006	2007	2008
Doanh thu thuần	339.940.984.067	1.243.831.260.715	1.135.991.360.676
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	378.478.903.564	1.352.447.430.970	1.382.044.034.886
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	302.683.564.118	959.072.265.573	308.952.319.713
Tổng lợi nhuận trước thuế	302.690.566.839	961.517.542.371	277.819.245.792
Lợi nhuận sau thuế	242.030.533.143	864.175.967.239	250.516.970.757

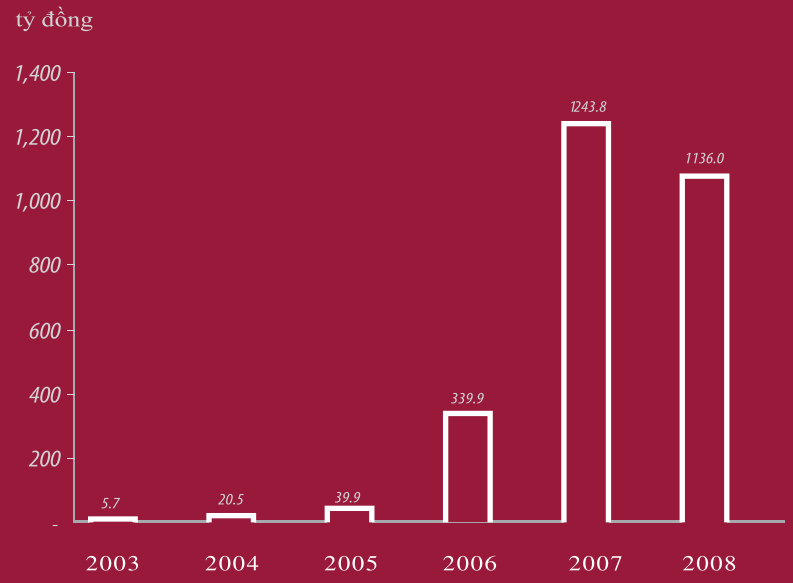
Bảng cân đối tài sản	2006	2007	2008
Tổng tài sản (VNĐ)	3.729.555.223.368	9.361.634.321.104	5.620.878.354.598
Vốn điều lệ (VNĐ)	500.000.000.000	1.199.998.710.000	1.366.666.710.000
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	50.000.000	119.999.871	134.133.329
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	1.207.284.615.107	4.056.531.952.669	3.896.903.303.327

Các chỉ tiêu khác	2006	2007	2008
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	95,59%	66,53%	50,39%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	4,41%	33,47%	49,61%%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	67,63%	56,67%	30,67%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	32,37%	43,33%	69,33%

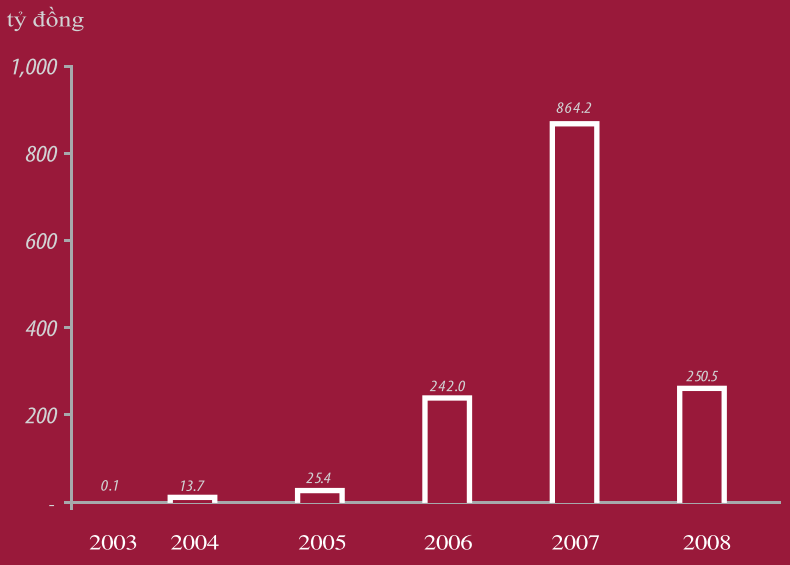
Tỷ suất lợi nhuận	2006	2007	2008
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,49%	9,23%	4,46%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,05%	21,30%	6,43%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	48,41%	72,01%	18,33%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	71,20%	69,48%	22,05%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	6.899	8.378	1.868

XU HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG TÀI CHÍNH

Doanh thu



Lợi nhuận sau thuế





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa các quý vị,

Năm 2008, năm bắt đầu cuộc khủng hoảng kinh tế và sụp đổ thị trường tài chính thế giới, cuộc khủng hoảng được các chuyên gia đánh giá là trầm trọng nhất kể từ sau đại khủng hoảng năm 1929. Cuộc khủng hoảng vẫn đang tiếp diễn gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế cũng như thị trường tài chính Việt Nam.

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính, SSI khi đối diện với khủng hoảng đã không thể đạt được kế hoạch mà chúng ta đã đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2008. Tuy nhiên, với những kết quả đạt được, chúng ta có thể tin vào khả năng đảm bảo an toàn trong khủng hoảng và có lợi thế cũng như sức bật rất lớn trong tương lai khi nền kinh tế và thị trường tài chính hồi phục.

Năm 2008, đang triển khai đối phó với lạm phát phi mã, nền kinh tế của chúng ta lại phải có kế hoạch đối phó với giảm phát và khủng hoảng tài chính, VnIndex giảm gần 70% trong năm, nhà đầu tư bi quan và rất nhiều người, kể cả nhà đầu tư nước ngoài, đã thoái vốn khỏi thị trường gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của SSI. Doanh thu thuần giảm 9% đạt mức 1.136 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế giảm 70% còn trên 250 tỷ đồng. Dù vậy, SSI vẫn là công ty duy nhất trong số các công ty chứng khoán niêm yết tại TTCK Việt Nam kinh doanh có lãi.

Chất lượng dịch vụ cao, tinh thần phục vụ khách hàng chu đáo, nhiệt tình là thế mạnh và sự khác biệt của SSI, giúp cho SSI giữ vững thị phần môi giới 14,5% toàn thị trường, gấp gần hai lần thị phần của công ty đứng thứ 2; lượng tài khoản mới được mở tăng 33%. Các tổ chức đầu tư nước ngoài đánh giá rất cao chất lượng dịch vụ của SSI cũng như khả năng của công ty trong việc làm đại diện cho khách hàng. Hiện tại SSI quản lý 39% tổng số tài khoản của các tổ chức và cá nhân nước ngoài mở tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Bộ phận Dịch vụ Ngân hàng đầu tư được thành lập năm 2008 đã nhanh chóng lớn mạnh và đáp ứng khả năng cung cấp dịch vụ hoàn chỉnh, 90 giao dịch về dịch vụ ngân hàng đầu tư đang được thực hiện, 22 hợp đồng cung cấp dịch vụ đã được ký trong năm.

Hầu như tất cả các giao dịch dịch vụ ngân hàng đầu tư lớn được thực hiện trên thị trường năm 2008 như Hoàng Anh Gia Lai, PVFC, Vietinbank đều do SSI cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ ngân hàng đầu tư sẽ tiếp tục là mảng kinh doanh đầu tàu trong hệ thống các bộ phận kinh doanh đang lớn mạnh của công ty. Vừa cung cấp dịch vụ SSI vừa chia sẻ cơ hội và rủi ro với khách hàng thông qua việc sử dụng vốn chủ sở hữu của SSI để đầu tư trực tiếp và tham gia tư vấn cho khách hàng với định hướng chiến lược về quản trị. SSI luôn được đánh giá cao trong vai trò cùng hợp tác đầu tư hoặc đối tác kinh doanh đáng tin cậy của khách hàng.

Với khả năng cung cấp các dịch vụ đầu tư đa dạng, hiệu quả và chuyên nghiệp, Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM) đã giành được sự tín nhiệm của nhà đầu tư. Hiện SSIAM đang quản lý Quỹ Tầm nhìn SSI (SSI Vision Fund) là quỹ đầu tư nội địa có quy mô lớn nhất và thuộc top 10 quỹ đầu tư có giá trị lớn nhất trên thị trường.

DOANH THU THUẦN: 1.136 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ: 250,5 TỶ ĐỒNG

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Thị phần: 14,5%

Tài khoản mới mở tăng 33%

Quản lý 39% tổng số các tài khoản của các tổ chức cá nhân nước ngoài

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

90 giao dịch đang được thực hiện

22 hợp đồng đã được ký

Các giao dịch lớn: Hoàng Anh Gia Lai, PVFC, Vietinbank

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SSI

Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ đầu tư nội địa có quy mô lớn nhất

Trong top 10 quỹ đầu tư có giá trị lớn nhất trên thị trường

Trong năm 2009, những vấn đề mà chúng ta đã đối mặt năm 2008 sẽ còn tiếp tục. Khó khăn sẽ còn tiếp diễn trong nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng. Trong cơn bão khủng hoảng của hệ thống tài chính, thanh khoản và tăng trưởng tín dụng sẽ còn hạn chế. Các nhà đầu tư có tổ chức và cá nhân tiếp tục giữ thái độ dè dặt. Đứng trước những thách thức khó khăn này, SSI đã và đang thực hiện điều chỉnh chiến lược một cách linh hoạt để phù hợp với tình hình như cơ cấu lại danh mục đầu tư, tập trung vào những lĩnh vực đang có lợi thế, thực hiện công khai, minh bạch thông tin và tăng cường kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và quản trị công ty. Với một nền tảng hoạt động vững mạnh cùng một chiến lược kinh doanh có trọng điểm, linh hoạt thích nghi với điều kiện thị trường biến động, chúng tôi tự tin vững bước vượt qua các thách thức sẽ gặp phải trên con đường phát triển của công ty.

Chúng ta đã trải qua những biến cố của thị trường tài chính vào năm 2003 với giá trị tài sản suy giảm mạnh và tâm lý hoảng sợ bao trùm. Bài học chúng ta rút ra được trong quá trình đối phó với thời kỳ khó khăn đó là rất nhiều cơ hội sẽ xuất hiện trong giai đoạn nhiều biến động. Chúng ta biết rằng lần này cũng sẽ không phải là ngoại lệ. Và chúng ta sẽ tận dụng tất cả các cơ hội trong tầm tay để tự củng cố và tiếp tục phát triển.

Thay lời kết, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến tất cả quý khách hàng của công ty, những người luôn vững niềm tin vào chất lượng và năng lực cung cấp dịch vụ của chúng tôi, đến quý cổ đông đã tin tưởng vào định hướng phát triển của công ty. Xin cảm ơn các đối tác của SSI vì đã luôn hết mình hợp tác để cùng tạo ra các cơ hội kinh doanh giá trị. Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến các thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban giám đốc giàu tài năng và kinh nghiệm của công ty, cũng như toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty, những người đã luôn làm việc rất chuyên nghiệp và tận tâm. Tôi tin tưởng tập thể SSI sẽ tiếp tục chung sức phấn đấu đưa công ty phát triển qua các khó khăn thách thức, giữ vững vị thế hàng đầu thị trường để đáp ứng kỳ vọng của khách hàng và cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn.



Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Từ một công ty bắt đầu với số vốn 6 tỷ đồng và 2 nghiệp vụ: Môi giới, Tư vấn đầu tư chứng khoán, sau 9 năm hoạt động, SSI đã lớn mạnh trở thành một tổ chức tài chính có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ kết nối vốn và cơ hội đầu tư; là công ty chứng khoán có vốn điều lệ và vốn hóa lớn nhất thị trường.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) là công ty hàng đầu thị trường với khả năng cung cấp một hệ thống phong phú, hoàn chỉnh các dịch vụ về chứng khoán, ngân hàng đầu tư và quản lý quỹ, phục vụ một mạng lưới khách hàng rộng khắp bao gồm các công ty, cơ quan Nhà nước, tổ chức tín dụng và đông đảo các cá nhân.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm dịch vụ chứng khoán, dịch vụ ngân hàng đầu tư, quản lý quỹ, đầu tư tự doanh, phân tích và tư vấn đầu tư.



Dịch vụ chứng khoán

SSI cung cấp các dịch vụ môi giới, lưu ký và thu xếp vốn đầu tư chứng khoán, phục vụ đối tượng là các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân

Dịch vụ ngân hàng đầu tư

SSI cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng bao gồm bảo lãnh phát hành, tư vấn về phương thức huy động vốn, cổ phần hoá, niêm yết và nhiều dịch vụ tư vấn khác, với năng lực chuyên môn cao, hiểu biết sâu sắc về nhu cầu và chiến lược của khách hàng.

Quản lý quỹ

Công ty cung cấp các sản phẩm đầu tư bao gồm các quỹ đầu tư v à quản lý danh mục đầu tư thông qua Công ty quản lý quỹ SSI.

Giao dịch và đầu tư tự doanh

Công ty cũng góp phần thúc đẩy các giao dịch của khách hàng và thị trường thông qua hoạt động giao dịch tự doanh cũng như đầu tư vào các sản phẩm trái phiếu, cổ phiếu.

Phân tích và tư vấn đầu tư

Song song với các mảng kinh doanh chính, SSI còn cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích thông qua bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư. Đây chính là các dịch vụ giá trị gia tăng cốt lõi phục vụ các khách hàng tổ chức và cá nhân của công ty, đồng thời là thành phần cấu thành gói dịch vụ của Dịch vụ chứng khoán, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư và Quản lý quỹ. Các báo cáo phân tích tập trung vào phân tích cơ bản cổ phiếu, phân tích kinh tế và phân tích chiến lược đầu tư.

CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

30/12/1999
SSI được thành lập với trụ sở chính tại TPHCM với hai nghiệp vụ Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng.

02/2001
SSI tăng vốn điều lệ lên 9 tỷ đồng

07/2001
SSI tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng với 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư, Môi giới, Tự doanh và Lưu ký chứng khoán.

09/07/2002
Mở chi nhánh tại Hà nội, mở rộng hoạt động kinh doanh chứng khoán trên địa bàn từ Bắc vào Nam.

4/2004
SSI tăng vốn điều lệ lên 23 tỷ đồng

2/2005
SSI tăng vốn điều lệ lên 26 tỷ đồng, với 5 nghiệp vụ chính: Tư vấn đầu tư, Môi giới, Tự doanh, Lưu ký chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư.

6/2005
SSI tăng vốn điều lệ lên 52 tỷ đồng, bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.

02/2006
SSI tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.

05/2006
SSI tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng, trở thành công ty chứng khoán có qui mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt nam tại thời điểm đó.

09/2006
Vốn điều lệ đạt 500 tỷ đồng.

10/2006
Hoàn thành đợt phát hành 500 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi.

15/12/2006
Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

07/2007
SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 đồng

3/8/2007
Công ty Quản lý Quỹ SSI, công ty TNHH một thành viên của SSI được thành lập.

09/2007
SSI phát hành thêm 555.600 trái phiếu chuyển đổi (55,560 tỷ đồng mệnh giá) cho cổ đông chiến lược là Ngân hàng ANZ

29/10/2007
SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh).

30/01/2008
Trái phiếu SSICB0106 được chuyển đổi thành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

03/3/2008
SSI tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 đồng.

16/4/2008
SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 đồng.

HIỆN TẠI

SSI cung cấp đầy đủ các dịch vụ kết nối vốn và cơ hội đầu tư theo các nhánh nghiệp vụ: dịch vụ chứng khoán, dịch vụ ngân hàng đầu tư, quản lý quỹ đầu tư, đầu tư tự doanh và phân tích tư vấn đầu tư

Vốn điều lệ 31/12/2008 là 1.366.666.710.000 đồng. Đến 30/1/2009 trái phiếu SSICB0206 được chuyển đổi thành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên tương ứng là 1.533.334.710.000 đồng

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Tóm tắt sơ lược kết quả hoạt động kinh doanh 2008 và cổ tức

Môi trường kinh doanh 2008

Triển vọng kinh doanh 2009

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Các nhân tố rủi ro chính ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro

Hoạt động xã hội

TÓM TẮT SƠ LƯỢC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2008 VÀ CỔ TỨC

Trong năm 2008, Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế là 250.516.970.757 đồng, thấp hơn so với mức 864.175.967.239 đồng của năm 2007, doanh thu thuần trong năm đạt mức 1.135.991.360.676 đồng - giảm 9% so với năm trước đó. Vào ngày 30/01/2008, 1.666.680 trái phiếu chuyển đổi của công ty đã được chuyển sang thành cổ phiếu phổ thông, vốn điều lệ tăng lên tương ứng, đạt mức 1.366.666.710.000 đồng.

Trong năm, công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2007 bằng tiền với tổng trị giá là 270.133.342.000 đồng Việt Nam và tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2008 bằng tiền với tổng trị giá là 134.918.440.000 đồng Việt Nam.

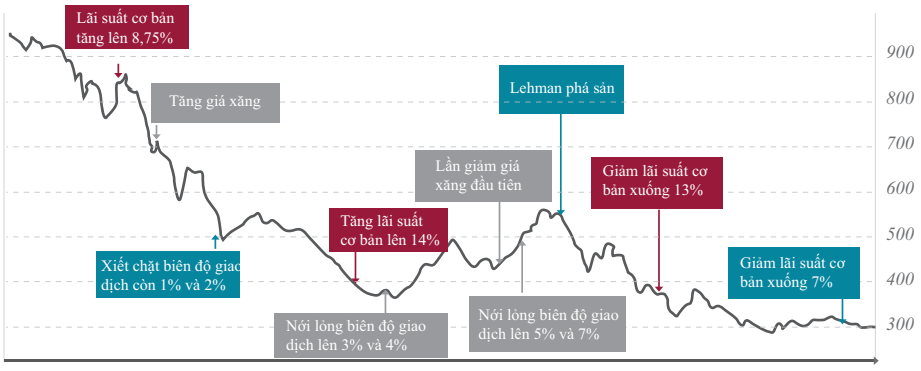
Mặc dù mảng kinh doanh môi giới chứng khoán tiếp tục thu hút thêm được nhiều tài khoản giao dịch mới, doanh thu đến từ mảng dịch vụ này vẫn giảm tới 53%, phản ánh một bức tranh thị trường trong giai đoạn hết sức khó khăn với những biến động chưa từng có, đi kèm với tính thanh khoản suy giảm và khối lượng giao dịch ít ỏi của nhà đầu tư.

Doanh thu của khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư cũng giảm mạnh (75%). Trong năm 2008, bối cảnh thị trường ảm đạm khiến hoạt động phát hành trở nên rất trầm lắng và nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính doanh nghiệp nói chung đều giảm mạnh so với năm 2007.

Trong lĩnh vực quản lý quỹ, doanh thu thuần của Công ty đạt 44,5 tỷ đồng trong năm 2008, khả quan hơn rất nhiều so với nhiều công ty quản lý quỹ khác trên thị trường.

Doanh thu thuần của hoạt động giao dịch và đầu tư tự doanh giảm 29%, phản ánh tình hình suy giảm của hoạt động đầu tư vào cổ phiếu do giá cổ phiếu sụt giảm nghiêm trọng trong năm.

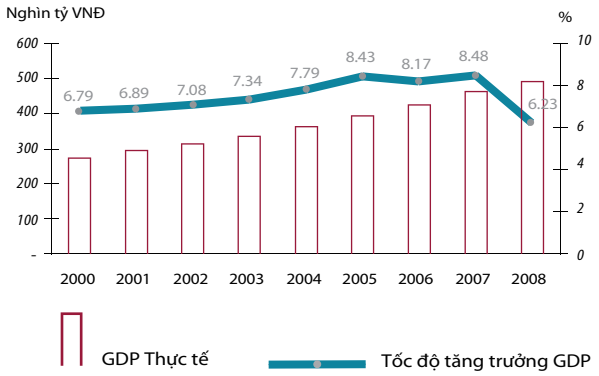
VNIndex 2008



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2008

Trong vòng chưa đầy 18 tháng, hình ảnh một thị trường chứng khoán còn non trẻ có bước tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong năm 2006 đã hoàn toàn đảo ngược. Với việc VNIndex mất tới 66% và Hastc Index mất 67% trong năm 2008, TTCK Việt Nam ghi nhận mức sụt giảm lớn nhất trong số các thị trường của khu vực.

Sau 3 năm liên tiếp ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP trên 8%, nền kinh tế Việt Nam đã kết thúc năm 2008 với mức tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 6,23%.

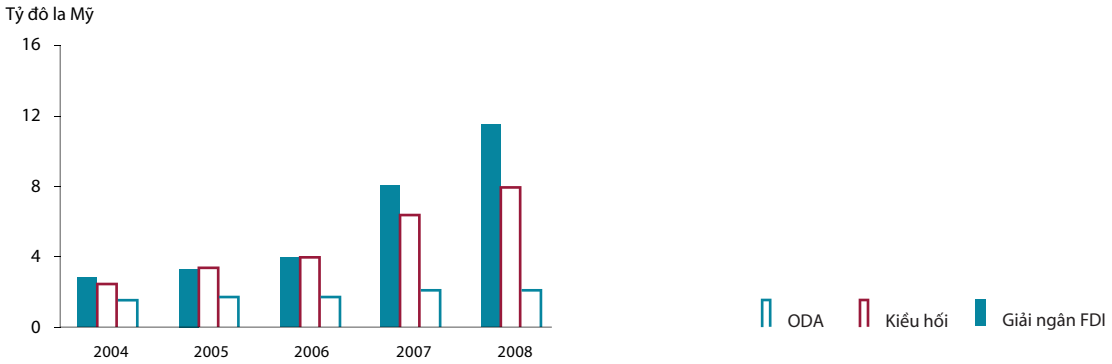


Trong năm 2008, TTCK đối mặt với hai thách thức lớn. Trong suốt 3 quý đầu năm, chính phủ lo đối phó với lạm phát tăng cao và thâm hụt ngân sách. Các vấn đề khi đó của nền kinh tế đã tác động nghiêm trọng đến TTCK: thị trường rơi mạnh, cùng với việc dòng tiền đổ vào thị trường giảm đến 75-80% so với năm trước đó. Sau đó thị trường có được một đợt phục hồi nhẹ trong giai đoạn tháng 6 - tháng 9 trước khi vòng xoáy giảm giá quay lại và tăng cường trong quý cuối cùng của năm, trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính thế giới ngày càng lâm vào tình trạng xấu hơn. Tính thanh khoản của thị trường suy yếu, với giá trị giao dịch trung bình ngày chỉ còn 463 tỷ đồng, so với mức tương ứng 767 tỷ đồng của năm 2007. Nhằm cản bớt đà đi xuống của thị trường, khá nhiều giải pháp đã được thực hiện, như SCIC mua vào cổ phiếu hỗ trợ thị trường hoặc biên độ giao dịch được thu hẹp xuống chỉ còn 1% và 2% tại hai sàn GD Hồ Chí minh và Hà Nội trong một quãng thời gian tương đối. Dù vậy các giải pháp này đã không thể giúp thị trường phục hồi.



TRIỂN VỌNG KINH DOANH 2009

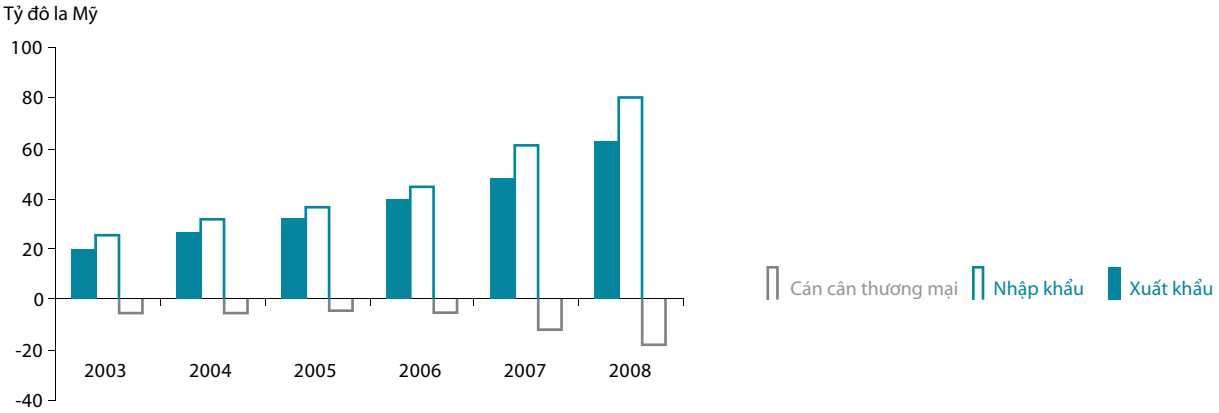
Chúng tôi cho rằng nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu cũng như trong nước sẽ gặp nhiều khó khăn trong thời gian tới.



Chúng tôi cho rằng nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu cũng như trong nước sẽ gặp nhiều khó khăn trong thời gian tới. Sau 3 năm liên tiếp ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP trên 8%, nền kinh tế Việt Nam đã kết thúc năm 2008 với mức tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 6,23%. Chúng tôi cho rằng tình hình năm nay sẽ còn khó khăn hơn nữa. Các luồng vốn trước đây đã ồ ạt đổ vào Việt Nam như FDI, ODA và kiều hối, đang đứng trước nguy cơ không có tăng trưởng, hoặc thậm chí suy giảm trong năm nay, trong khi đó thâm hụt thương mại nhiều khả năng vẫn ở mức cao. Điều này khiến rủi ro cán cân thanh toán trở thành một trong những thử thách lớn nhất đối với Chính phủ trong năm 2009. Đồng thời, trong bối cảnh các nguồn vốn "truyền thống" như vừa nêu trên suy yếu, Việt Nam sẽ phải dựa chủ yếu vào đầu tư trong nước để đẩy mạnh tăng trưởng. Dựa trên những thông số vĩ mô cập nhật nhất cho tới nay, trong đó theo trường hợp cơ sở GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 3,4% và trường hợp xấu nhất là 2,9% năm 2009. (Trường hợp xấu tính đến những tác động từ các yếu tố vĩ mô bên ngoài sẽ rất mạnh: Đầu tư nước ngoài giảm 50%, xuất khẩu giảm 30%). Tuy nhiên, trường hợp xấu này ít có khả năng xảy ra hơn. Có thể đánh giá mức tăng trưởng của Việt Nam như vậy vẫn là tích cực trên cơ sở so sánh với tăng trưởng của các nước trong khu vực và khả năng quay lại đà tăng trưởng mạnh là rất lớn khi kinh tế thế giới hồi phục lại.

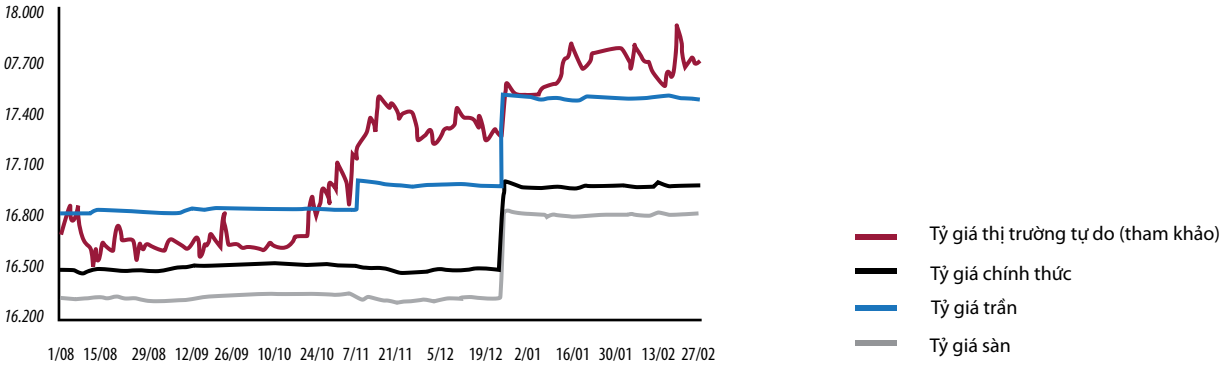


Ngày 15/1/2009, Chính phủ đã thông qua kế hoạch sử dụng 17.000 tỷ đồng kích cầu với cách thức bù lãi suất 4% cho doanh nghiệp vay vốn lưu động từ các NHTM. Chương trình bù lãi suất cho vay không áp dụng cho các doanh nghiệp vay để nhập khẩu hàng tiêu dùng chưa thiết yếu, vay kinh doanh chứng khoán, tài chính, ngân hàng, vay vốn để trả nợ các hợp đồng tín dụng khác. Thời điểm thực hiện từ đầu 2009. Thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 12 tháng. Bên cạnh tác động hỗ trợ tăng trưởng tín dụng, theo chúng tôi, ảnh hưởng của gói kích cầu đối với hoạt động kinh doanh các ngân hàng nhìn chung là có lợi vì khoản hỗ trợ bù lãi suất sẽ không lấy từ nguồn vốn của NHTM mà từ Chính phủ. Mặt khác rủi ro thu hồi vốn sẽ phụ thuộc vào đối tượng dự án cụ thể được cho vay. Khả năng thúc đẩy tăng trưởng được hiệu quả của gói kích cầu sẽ không chỉ phụ thuộc vào lượng vốn đầu tư mà còn phụ thuộc vào hiệu quả đầu tư. GDP Việt Nam năm 2008 đạt hơn 88 tỷ USD, như vậy gói kích cầu trị giá 1 tỷ USD tương ứng với hơn 1,1% GDP sẽ khó có khả năng tạo thêm nhiều sản lượng cho nền kinh tế nếu hệ số ICOR của Việt Nam không được cải thiện từ mức trên 7 như 2008.



Ngày 6/2/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 27/2009/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân. Việc giãn thuế thu nhập cá nhân, sau một thời gian dài chờ đợi và gây nhiều tranh cãi kể từ cuối năm 2008 cuối cùng đã được ban hành hướng dẫn cụ thể vào đầu tháng 2 và dựa trên những nội dung hướng dẫn này thì có thể coi đây là một thông tin tích cực: không chỉ thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng vốn trong đó có chuyển nhượng chứng khoán được giãn mà các khoản thu nhập từ kinh doanh và tiền lương tiền công cũng được giãn nộp với thời hạn 5 tháng. Như vậy một khoản tiền tương đương với số thuế thu nhập được giãn sẽ được giữ lại chưa phải nộp cho ngân sách, và tất nhiên, sẽ có tác dụng hỗ trợ thu nhập, kích thích tiêu dùng.





Nguồn thu và viện trợ của Chính phủ

đơn vị: Tỷ VNĐ	Ước thực hiện 2008	Dự toán 2009	% thay đổi
Thu thuế	353.961	345.254	-2,5%
- Trong đó thu thuế thu nhập doanh nghiệp	136.086	111.516	-18,1%
- Trong đó thu thuế thu nhập cá nhân	9.960	14.545	46,0%
- Trong đó thu thuế XK, NK và tiêu thụ đặc biệt hàng NK	57.420	56.600	-1,4%
Thu phí, lệ phí và thu ngoài thuế	16.960	17.936	5,8%
Thu về vốn (từ bán nhà ở, thu tiền sử dụng đất)	23.079	21.710	-5,9%
Viện trợ không hoàn lại	5.000	5.000	0,0%
Thu kết chuyển năm trước	9.080	14.100	55,3%
Tổng thu và viện trợ trong năm	**399.000**	**389.900**	**-2,3%**



Dựa trên dự toán thuế năm 2009 của Bộ Tài chính, thu thuế dự tính từ thu nhập cá nhân là 14.545 tỷ đồng năm 2009, tăng 4.585 tỷ đồng hay 46% so với mức 9.960 tỷ đồng ước thực hiện của năm 2008. Như vậy, nếu giãn nộp thuế trong vòng 5 tháng có thể giữ lại khoản tiền tương đương gần 6.000 tỷ đồng vốn. Một điểm quan trọng nữa là việc xử lý khoản tiền được giãn nộp này sẽ chờ quyết định của phiên họp Quốc hội vào tháng 5/2009, như vậy khả năng về các ưu đãi tiếp theo như giãn tiếp hoặc thậm chí miễn nộp vẫn có, tuỳ thuộc vào mức độ khó khăn của nền kinh tế sẽ được thể hiện rõ trong nửa đầu 2009.

Biện pháp giãn thuế này đi kèm với kích thích cho vay tiêu dùng được các ngân hàng thương mại đẩy mạnh trong thời gian gần đây sẽ có tác dụng kích thích cầu tiêu dùng cá nhân trong nước (private consumption) - một yếu tố quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng bên cạnh chi tiêu từ khu vực chính phủ trong năm 2009. Tiêu dùng trong nước gần đây đã có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, chỉ ở mức 6,5% vào cuối năm 2008, bằng một nửa so với mức 13-14% của năm 2007 và 2006.

Cũng lưu ý là thu nhập từ chuyển nhượng vốn và chứng khoán được giãn nộp thuế thu nhập không chỉ cho nhà đầu tư trong nước (cá nhân cư trú) và nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân không cư trú), và đây cũng là một thông tin được chờ đợi từ rất lâu trong bối cảnh thị trường chứng khoán ảm đạm. Đồng thời, bên cạnh giãn thuế thu nhập cá nhân, một loạt các biện pháp ưu đãi thuế khác như đối với thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, nhập khẩu cũng đã được ban hành từ giữa tháng 1. Mặc dù rất khó định lượng lợi ích về 3 loại thuế này đối với nền kinh tế do các biện pháp ưu tiên là khác nhau cho các khu vực kinh tế và ngành nghề khác nhau, cần phải nhìn nhận là gói kích thích kinh tế của chính phủ đang được triển khai toàn diện. Điều chúng tôi băn khoăn là ảnh hưởng của các biện pháp tài khoá lên cân đối thu - chi ngân sách nhà nước (ngân sách nhà nước thường xuyên bội chi, ở mức khoảng 5% năm 2008). Trong năm 2009, với nguồn thu từ thuế giảm hơn, thì việc phát hành trái phiếu để thu hút vốn cho hoạt động đầu tư dự kiến sẽ phải rất lớn.

Ngày 23/3/2009, Ngân hàng Nhà nước tăng biên độ dao động tỷ giá lên 5%. Việc tăng biên độ tỷ giá lên 5% mà thực chất giảm giá VND tối đa 2% so với mức hiện tại được chờ đợi từ lâu, vì theo hầu hết các đánh giá thì tỷ giá thực của VND – yếu tố tác động lên sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu Việt nam đang được định giá cao do tính chất gắn chặt của VND với USD từ tháng 12/2008 trong khi rất nhiều các đồng tiền chủ chốt là thị trường xuất khẩu của Việt Nam cũng như của các nước xuất khẩu cạnh tranh với Việt Nam mất giá mạnh so với USD trong thời gian từ tháng 9/2008 đến 2/2009.

Thời điểm điều chỉnh tỷ giá là khá hợp lý mặc dù cán cân thanh toán Quý 1 năm 2009 ước tính là thặng dư với các kịch bản rất xấu về các luồng vốn vào cho đến hết Quý 1 song được hỗ trợ đáng kể bởi mức sút giảm mạnh trên 40% của nhập khẩu trong khi xuất khẩu vàng và gạo là những động lực chính khiến tổng kim ngạch xuất khẩu chưa sụt giảm ít nhất là trong Quý 1. Động thái điều chỉnh biên độ tỷ giá của NHNN là một bước đi tích cực và chủ động với thời điểm thích hợp để điều tiết tỷ giá nhằm ổn định thị trường ngoại hối, tác động cải thiện cán cân thanh toán và tạo ra hỗ trợ để giảm lãi suất chống suy giảm kinh tế

Nhìn chung chúng tôi nhận định thị trường tài chính sẽ tiếp tục khó khăn trong năm 2009. Mức độ biến động lớn của thị trường tài chính nói chung và tình trạng ảm đạm, thiếu ổn định của thị trường vốn nói riêng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư của Công ty. Đồng thời, suy giảm tăng trưởng kinh tế và tình hình trì trệ kéo dài của thị trường chứng khoán cũng sẽ tác động lớn đến khối lượng các hoạt động kinh doanh, lượng tài sản uỷ thác và lượng vốn quản lý của các khối kinh doanh chứng khoán, đầu tư tự doanh và quản lý quỹ của Công ty.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT



TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH

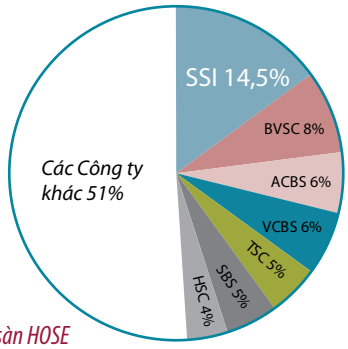
	2006	2007	2008
Doanh thu thuần	339.940.984.067	1.243.831.260.715	1.135.991.360.676
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh và đầu tư	378.478.903.564	1.352.447.430.970	1.382.044.034.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	302.683.564.118	959.072.265.573	309.714.196.946
Lợi nhuận trước thuế	302.690.566.839	961.517.542.371	277.819.245.792
Lợi nhuận sau thuế	242.030.533.143	864.175.967.239	250.516.970.757

DOANH THU THUẦN

Doanh thu thuần năm 2008 của công ty đạt mức 1.136 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2007, phản ánh tác động của môi trường kinh doanh khó khăn trong bối cảnh giá tài sản giảm, mức độ biến động cao và thanh khoản suy yếu.

Dịch vụ chứng khoán

Trong năm 2008, hoạt động kinh doanh chứng khoán chịu ảnh hưởng nặng nề do thị trường chứng khoán suy giảm và cuộc chiến cạnh tranh thông qua giảm phí giao dịch. Hậu quả của những yếu tố bất lợi này đã khiến doanh thu thuần của khối Dịch vụ Chứng khoán giảm 53% từ mức 255 tỷ đồng năm 2007 xuống mức 121 tỷ đồng.



Thị phần môi giới chứng khoán sàn HOSE

Trong năm 2008, giá trị giao dịch trái phiếu tăng đến 8 lần nhưng cũng không đủ để bù đắp mức sụt giảm 42% giá trị giao dịch cổ phiếu. Mặc dù tổng giá trị giao dịch tăng 14,8% so với năm 2007 lên mức 85 tỷ đồng mặt bằng phí giao dịch trái phiếu thấp hơn và mức phí giao dịch trung bình giảm sút đã khiến doanh thu thuần của khối Dịch vụ Chứng khoán thấp hơn. Bất chấp việc doanh thu suy giảm, SSI tiếp tục giữ vững thị phần hàng đầu tại HOSE ở mức 14,5%, tại HASTC ở mức 7% và thực hiện giao dịch cho 39% tổng khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm, khối Dịch vụ Chứng khoán của SSI đã được tạp chí Finance Asia bình chọn là "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" trong hệ thống các giải thưởng quốc gia.



Năm qua, khối Dịch vụ Chứng khoán đã kết hợp với khối Tư vấn đầu tư tổ chức nhiều hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức có được những hiểu biết tốt hơn về thị trường cũng như xác định thêm nhiều cơ hội đầu tư. Công ty cũng tiếp tục củng cố khối dịch vụ khách hàng phân chia thành các nhóm chuyên biệt, trong đó có các nhóm phục vụ riêng các đối tượng khách hàng sử dụng tiếng Nhật, tiếng Trung và tiếng Anh, đồng thời cũng đã xây dựng thêm nhóm chuyên phục vụ các khách hàng sử dụng tiếng Hàn. Nhờ vậy, số lượng tài khoản mới đã tăng 33% so với năm 2007 mặc dù tình trạng cạnh tranh giảm phí và tăng cường dịch vụ giá trị gia tăng ngày càng quyết liệt. Chất lượng của dịch vụ và các sản phẩm nghiên cứu đã giúp công ty chúng tôi củng cố vị thế với các khách hàng tổ chức quốc tế như Deutsch Bank, HSBC, KITMC, Daiwa Securities, Sociate General, Citi Group, Templeton, DBS, Barclays, Well Fargo, Fidelity, BankInvest, Morgan Stanley, và các khách hàng cá nhân từ Hoa Kỳ, Úc, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Singapore.

Trong năm 2008, SSI đã mở thêm chi nhánh tại Vũng Tàu nâng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch lên con số 11, trở thành công ty chứng khoán có hệ thống mạng lưới hoạt động lớn nhất tại Việt Nam.

Bên cạnh các công ty chứng khoán lớn có thế mạnh cạnh tranh như Công ty Chứng khoán ACB, Công ty Chứng khoán Vietcombank, Công ty Chứng khoán Bảo Việt, nhiều công ty chứng khoán nhỏ hơn đã bắt đầu hoạt động trong năm 2008 với nhiều định hướng cung cấp dịch vụ khác biệt. Một số công ty đã tăng số lượng tài khoản cá nhân nội địa nhanh chóng thông qua việc giảm phí giao dịch. Một số khác đã thừa hưởng cơ sở khách hàng từ công ty/ngân hàng mẹ và áp dụng công nghệ như SMS và giao dịch trực tuyến nhằm tăng lượng tài khoản mới mở. Một số công ty có yếu tố nước ngoài đã tích cực tham gia thị trường để tận dụng lợi thế từ kinh nghiệm quốc tế của mình.

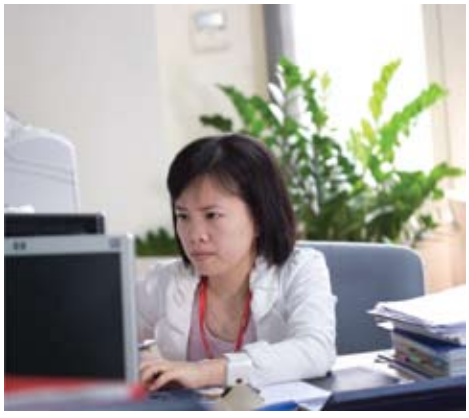
Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ và nhu cầu khách hàng trong việc tiến hành giao dịch thông qua nhiều kênh giao dịch đa dạng, chúng tôi đã triển khai cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến, và dịch vụ tin nhắn thông báo kết quả giao dịch chứng khoán qua mạng điện thoại di động ngay khi đặt lệnh và dịch vụ giao dịch trực tuyến tổng hợp. Tận dụng ưu thế về tiềm lực tài chính, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng cho giao dịch để tăng cường tính hiệu quả trong xử lý giao dịch và quy trình quản lý danh mục đầu tư của khách hàng.



Dịch Vụ Ngân hàng Đầu Tư

Doanh thu thuần của khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư trong năm ở mức khoảng 18 tỷ đồng, thấp hơn 75% so với năm 2007. Những yếu tố khó lường của thị trường tài chính đã dẫn tới sự sụt giảm đáng kể của các hoạt động bảo lãnh và tư vấn tài chính. Doanh thu bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành giảm 83% so với năm 2007 và doanh thu tư vấn tài chính giảm 59%. Do thị trường khó khăn nên nhiều hợp đồng phát hành đã phải ngừng, doanh thu của 2008 chủ yếu là từ tư vấn cổ phần hóa và niêm yết. Những khó khăn của thị trường tài chính đã khiến tiến trình cổ phần hóa và tập trung hóa giao dịch cổ phiếu công ty đại chúng đã diễn ra chậm hơn dự kiến trong năm 2008. Trong 10 tháng đầu năm 2008, có 27 đợt IPO, trong đó có 24 đợt bán đấu giá cổ phần hóa. Cũng trong năm 2008 có thêm 76 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán nâng tổng số lên gần 330 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 19% GDP, thấp hơn so với 40% của GDP trong năm 2007.

Trong năm 2008, công ty chúng tôi đã tập trung phát triển nguồn nhân lực cũng như hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ cho khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư. Bên cạnh các nghiệp vụ bảo lãnh và tư vấn truyền thống, chúng tôi đã tăng cường cung ứng cho khách hàng các nhóm giải pháp đồng bộ và đa dạng. Chúng tôi cũng đã củng cố vững chắc vị thế trên thị trường bằng việc thực hiện rất thành công ba hợp đồng tư vấn lớn, đó là thực hiện cổ phần hoá cho Vietinbank, tư vấn niêm yết cho tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai và Tổng công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam. Khả năng thị trường tiếp tục suy giảm sẽ có tác động không tốt đến kết quả kinh doanh của khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư trong năm 2009. Tuy vậy, với 90 giao dịch đang được thực hiện và nền tảng tài chính vững mạnh so với các công ty trong ngành, chúng tôi tin rằng công ty đang có nhiều lợi thế. Chúng tôi sẽ tiếp tục cộng tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tiếp tục mở rộng danh mục dịch vụ đang cung cấp cũng như mở rộng tầm hoạt động của mình.



Quản lý Quỹ

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), 100% vốn đầu tư của Công ty Chứng khoán Sài Gòn, đã đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc xét về lượng tài sản được quản lý và xét về doanh thu thuần năm 2008. Hoạt động chính của công ty, bao gồm cả quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư, đạt mức doanh thu thuần trên 44 tỷ đồng trong năm 2008. Tổng giá trị tài sản thuộc quyền quản lý của quỹ lên tới 2.334 tỷ đồng. Với những thành tựu này trong 2008, SSIAM đã lọt vào top 7 công ty quản lý quỹ có giá trị tài sản được quản lý lớn nhất cùng với các công ty như BVFMC, VFM, FPT, công ty quản lý quỹ Hà Nội, VCBF, BIDV-VNP trong số 42 công ty quản lý quỹ đã đăng kí kinh doanh.



Xét về mảng quản lý quỹ, cuối năm 2007, SSIAM đã thành công trong việc huy động 1.700 tỷ đồng, tương đương 110 triệu USD, cho Quỹ Tầm Nhìn SSI (SSIVF) khiến quỹ này trở thành quỹ nội địa có quy mô lớn nhất trên thị trường. SSIVF cũng nằm trong nhóm 10 quỹ đầu tư có quy mô lớn nhất Việt Nam. Mặc dù SSIVF không đạt mức NAV mục tiêu cho cả năm, kết quả kinh doanh của quỹ ở mức tốt nhất so với các quỹ khác trong nhóm. Trong khi giá trị NAV của các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài giảm xấp xỉ 50% trong năm 2008, NAV của SSIVF chỉ giảm 5,86%. Kết quả kinh doanh xuất sắc này đạt được nhờ các chiến lược đầu tư cẩn trọng, tập trung vào tính hiệu quả trong hoạt động và tiềm năng tăng trưởng của các công ty được đầu tư. Quy trình phân tích và dự báo xu hướng thị trường tài chính một cách cẩn trọng đã góp phần khiến quỹ có được những quyết định tốt nhất trong việc giải ngân và thanh lý tài sản. SSIAM đang trong quá trình huy động vốn từ nước ngoài với các đối tác quốc tế tiềm năng. Do tình hình chung của thị trường thế giới, khả năng huy động vốn có phần nào bị hạn chế. Tuy nhiên SSIAM sẽ tiếp tục tìm kiếm mọi cơ hội khi có thể.

Về các danh mục quản lý, bên cạnh danh mục đầu tư từ SSI chuyển sang (do công ty không tiếp tục tiến hành các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư từ năm 2007 theo quy định của Luật chứng khoán), SSIAM đã thu hút được nhiều khách hàng tổ chức giao phó nguồn vốn trên cơ sở ủy thác toàn bộ hoặc ủy thác chỉ định, tăng cường lượng tài sản của quỹ trong các danh mục quản lý lên mức 634 tỷ đồng. Tổng mức NAV của các tài khoản này đã đạt chỉ tiêu NAV của mình

Trong năm 2009, mục tiêu chính của Công ty quản lý quỹ SSI là tối đa hóa lợi ích của các khách hàng bằng việc đạt kết quả tốt hơn kết quả kinh doanh chung của Quỹ và các danh mục đầu tư hiện tại. Bên cạnh đó, chúng tôi vẫn tiếp tục hướng tới việc tăng thêm vốn nhằm tăng cường nguồn lực cũng như chất lượng dịch vụ của công ty để thỏa mãn những yêu cầu từ phía khách hàng cũng như hướng tới tăng trưởng ổn định và thành công của SSIAM trong những năm tới.



Phân tích chuyên sâu chính là điểm chính trong phương pháp đầu tư của chúng tôi. Chúng tôi cố gắng tìm hiểu các công ty để đầu tư từ nhiều cách nhìn khác nhau: từ những thông tin của công ty và cả những nguồn thông tin bên ngoài, với một số hoạt động như sau: thường xuyên đến thăm công ty, liên lạc với đội ngũ lãnh đạo, tìm kiếm thông tin từ các công ty cùng ngành, khách hàng, nhà cung cấp, và tìm tư vấn từ những chuyên gia của ngành.

(Chuyến đi khảo sát hoạt động doanh nghiệp thủy sản tại Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn - Đồng Tháp)

Tự Doanh và Đầu Tư Vốn

Doanh thu thuần từ tự doanh và đầu tư vốn giảm 29% từ mức 880 tỷ đồng trong năm 2007 xuống 625 tỷ đồng trong năm 2008. Lường trước điều kiện thị trường khó khăn, Công ty đã sớm cắt giảm những khoản đầu tư có độ rủi ro cao, tái cơ cấu lại danh mục cổ phiếu và điều chuyển một phần vốn sang đầu tư trái phiếu. Nhờ vậy, công ty đã hoàn nhập được 327 tỷ đồng trong tổng số khoản dự phòng đầu tư được trích lập trước đó. Trong năm 2009, chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào hạn chế rủi ro trong danh mục đầu tư và tận dụng mọi cơ hội từ thị trường.

CHI PHÍ KINH DOANH

Các chi phí kinh doanh của chúng tôi chịu tác động chủ yếu từ chi phí nhân viên, chi phí khấu hao tài sản và thuê văn phòng. Các chi phí kinh doanh được trình bày trong bảng dưới đây:

Chi phí trực tiếp cho các hoạt động kinh doanh (VNĐ)

	2008	2007
Lương thưởng	71.517.874.789	45.544.140.098
Đồ văn phòng phẩm	1.409.456.811	1.495.946.193
Chi phí trả trước và dụng cụ	3.001.385.840	3.542.087.677
Khấu hao tài sản cố định	23.088.842.863	15.365.496.664
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	26.884.618.774	10.698.142.272
Chi phí thuê văn phòng	17.848.895.083	10.658.641.911
Các chi phí khác	6.681.846.789	13.105.948.177
Tổng chi phí	150.432.920.949	100.410.402.992

Chi phí kinh doanh tăng 49% so với năm 2007 lên mức 150 tỷ đồng, chủ yếu do việc tăng số lượng nhân viên đầu năm 2008, mở rộng diện tích văn phòng và mạng lưới chi nhánh, mua thêm trụ sở. Tuy nhiên, đến giữa năm 2008, kế hoạch tiếp tục mở rộng kinh doanh đã tạm thời được hoãn lại trước tình hình thị trường khó khăn và công ty cũng đã cắt giảm một bộ phận nhân sự cho phù hợp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trong năm, chúng tôi đã bán một lượng đáng kể các chứng khoán tự doanh và thu về một lượng tiền dồi dào và sử dụng một phần nguồn vốn thu về để đầu tư vào trái phiếu chính phủ. Lo ngại về việc thị trường tiếp tục suy giảm đã khiến nhiều nhà đầu tư rút vốn ra khỏi tài khoản và gây nên sự sụt giảm về lượng tiền trong các tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Việc giá trị chứng khoán tiếp tục suy giảm đã khiến chúng tôi phải gia tăng ghi nhận mức dự phòng đầu tư.

Chi phí mua phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán mới và mua quyền sử dụng đất của một trong số các chi nhánh của chúng tôi đã khiến tài sản vô hình của công ty tăng lên đáng kể trong năm 2008.

Nợ dài hạn giảm do chúng tôi đã chuyển đổi trái phiếu SSICB0106 sang cổ phiếu trong tháng 1 năm 2008, tăng tổng vốn điều lệ lên 1.366 tỷ đồng.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

Trong quá trình hoạt động kinh doanh có rất nhiều yếu tố rủi ro vốn là đặc thù của ngành dịch vụ tài chính có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Dưới đây là tóm lược các yếu tố rủi ro chính

Rủi ro thị trường: Thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung thường xuyên biến động dưới tác động của nhiều yếu tố gồm cả các yếu tố nội tại của thị trường, cũng như do các thay đổi trong chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của Chính Phủ. Những thay đổi này được thể hiện qua biến động trong các yếu tố như mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường, mức độ sẵn có của tín dụng, chi phí giá vốn… v.v, khiến giá trị của các khoản đầu tư tài chính cũng biến động theo. Hoạt động đầu tư của Công ty vào chứng khóan và các sản phẩm đầu tư không tránh khỏi các rủi ro do giảm giá đầu tư. Rủi ro này sẽ tiếp tục phát sinh trong tương lai do mức độ biến động của thị trường tăng lên kèm theo tính thanh khoản bị suy giảm.

Rủi ro tín dụng: Công ty cũng chịu rủi ro phát sinh các khoản lỗ liên quan đến tín dụng trong trường hợp các cá nhân, đối tác hoặc tổ chức phát hành mất khả năng hoặc không sẵn sàng thực hiện trách nhiệm chi trả theo hợp đồng đã thoả thuận. Rủi ro xảy ra khi khách hàng, đối tác gặp khó khăn tài chính và khi giá trị của chứng khoán Công ty nắm giữ làm tài sản thế chấp bị sụt giảm. Rõ ràng nếu Công ty phát sinh nhiều khoản lỗ do yếu tố rủi ro này, khả năng sinh lời của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty mất khả năng thực hiện trách nhiệm trả các khoản nợ ngắn hạn thông qua việc vay thêm hoặc thanh lý các tài sản có thể dễ dàng chuyển thành tiền mặt. Khả năng thanh khoản của Công ty có thể bị suy yếu trong trường hợp Công ty không thể phản ứng kịp với những biến cố của thị trường nói chung hoặc của thị trường cho một loại tài sản cụ thể nào đó nói riêng. Ngoài ra, nếu rất nhiều công ty khác cũng đang muốn bán cùng một loại tài sản v ới công ty tại cùng một thời điểm, khả năng thanh lý tài sản để tạo thanh khoản của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Rủi ro vận hành: Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng lớn bởi các sự cố về vận hành hoặc do các sự kiện không thuận lợi xảy ra ngoài dự tính. Các rủi ro này bao gồm: nguy cơ trộm cắp hoặc lừa đảo, nhân viên có hành vi kinh doanh không hợp lệ, thực hiện giao dịch trái phép, cũng như lưu trữ, đánh giá và hạch toán giao dịch sai nguyên tắc. Những rủi ro này có thể khiến Công ty phải gánh chịu các khoản lỗ tài chính, thậm chí dẫn đến việc hoạt động kinh doanh bị gián đoạn, mất khả năng thực hiện trách nhiệm đối với khách hàng, chịu sự can thiệp từ chính quyền, uy tín của Công ty do vậy sẽ bị ảnh hưởng rất lớn. Khả năng phát sinh lỗ còn có thể xảy ra nếu công ty không thể đánh giá một cách chuẩn xác từ đó tìm cách giảm thiểu các yếu tố rủi ro khá thường trực với hoạt động của Công ty như đã vừa nêu: gồm có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro vận hành.



Chấp nhận rủi ro là một trong những yếu tố cơ bản đối với ngành nghề kinh doanh của công ty. Từng Giám đốc bộ phận có trách nhiệm quản lý các loại rủi ro đặc thù đối với từng mảng hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của mình. Đồng thời, trên phạm vi toàn công ty, chúng tôi cũng luôn không ngừng củng cố hệ thống quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính rõ ràng, dễ hiểu trong các khái niệm, qui định được đặt ra liên quan đến mức độ chấp nhận rủi ro của công ty. Các Giám đốc bộ phận trong công ty thường xuyên tiến hành thẩm định lại các yếu tố rủi ro về tín dụng, thị trường và thanh khoản để tối thiểu hoá các khoản lỗ phát sinh từ những nguy cơ rủi ro này, sao cho chúng không được vượt quá một mức độ hợp lý hoặc mức đã được xác định trước trong các kịch bản kinh doanh đã đặt ra.

Chúng tôi đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh đáp ứng quy định của pháp luật với các nhân viên kiểm soát nội có đủ kinh nghiệm, trình độ cần thiết. Hệ thống kiểm soát nội bộ luân phiên kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong công ty nhằm hạn chế thấp nhất các yếu tố gây ra rủi ro về vận hành. Kết quả kiểm soát nội bộ được báo cáo trực tiếp lên Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị để khắc phục ngay các lỗ hổng.

Việc giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy định nội bộ được coi trọng và tiến hành thường xuyên. Bộ phận Nhân sự và Luật, Kiểm soát nội bộ định kỳ tổ chức các buổi trao đổi, cập nhật, bổ sung kiến thức về luật.



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Tại SSI, song song với hoạt động kinh doanh, hoạt động cộng đồng luôn được chúng tôi rất quan tâm. Chúng tôi nhận thức rằng trách nhiệm lớn nhất của chúng tôi với cộng đồng chính là đảm bảo công ty hoạt động thành công, đem lại lợi ích cho khách hàng và lợi nhuận cho cổ đông.

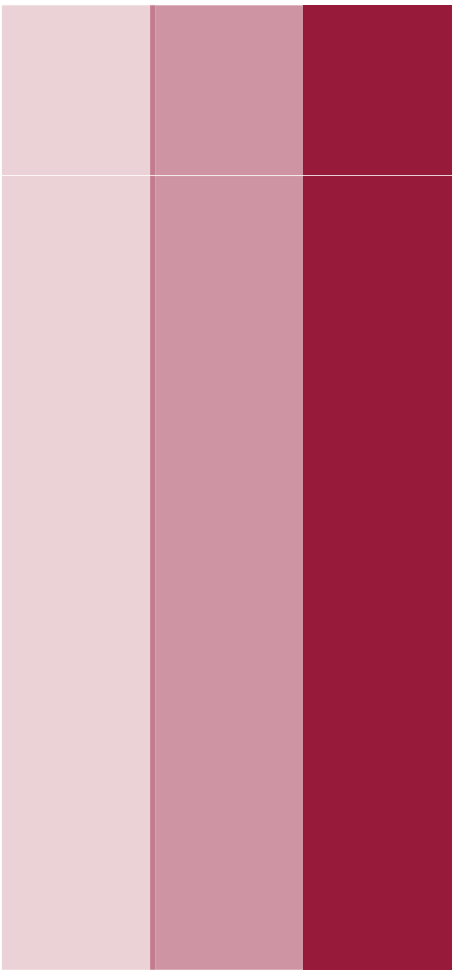
Bên cạnh đó, chúng tôi luôn dành sự quan tâm cho đội ngũ nhân viên cũng như gia đình của họ. Chúng tôi cố gắng tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả để có thể giúp cho đội ngũ của chúng tôi nâng cao khả năng và hoàn thành những mục tiêu của chính bản thân họ. Đội ngũ SSI được công ty khuyến khích nâng cao kiến thức với những khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn (chứng khoán, luật, phân tích tài chính), đào tạo trung và dài hạn (CFA, MBA). Chúng tôi cũng luôn ghi nhớ một điều: gia đình của nhân viên là một nhân tố vô cùng quan trọng. Gia đình chính là những người đã, đang và sẽ ủng hộ và khuyến khích đội ngũ chúng tôi. Với nhiều hoạt động như tiệc gặp mặt cuối năm, ngày thiếu nhi, Tết trung thu,... chúng tôi đang dần dần xây dựng một mối quan hệ thân thiết với người thân của nhân viên.Thêm vào đó, chúng tôi luôn cố gắng kêu gọi nhận thức của từng thành viên công ty đối với xã hội bằng những cuộc vận động đóng góp đồng bào bị thiên tai bão lụt và tham gia các chuyến đi làm từ thiện tại các trại trẻ mồ côi và người già không nơi nương tựa.



Tranh của các em bé khuyết tật trong chương trình Big Art được treo triển lãm trước trụ sở SSI (2/11/2008)

Tại SSI, chúng tôi tin tưởng rằng giáo dục chính là yếu tố chính giúp cho thế hệ tương lai đạt được thành công. Vì vậy, chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì việc tài trợ để xây dựng trường nội trú cho con em dân tộc tại huyện Bắc Hà – Lào Cai, xây dựng phòng học máy tính cho trường nội trú Lạng Sơn. Tiếp theo vai trò tài trợ chính cho Olympic Toán thế giới 2007, chúng tôi đã tài trợ chính cho Olympic Vật lý thế giới 2008 được tổ chức tại Việt Nam, chương trình Big Art, chương trình vẽ tranh của các em bé khuyết tật.

Ngoài những hoạt động trực tiếp, chúng tôi cũng đóng góp thông qua Hội Khuyến học Việt Nam để xây trường nội trú và tặng học bổng cho con em các dân tộc vùng Điện Biên – Lai Châu – Sơn La, những vùng xa xôi còn nhiều khó khăn.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăngký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng kí lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/GPHĐKD, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu và Hải Phòng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty và công ty con là 250.516.970.757 đồng Việt Nam (năm 2007: 864.175.967.239 đồng Việt Nam).

Trong năm, công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2007 bằng tiền với tổng trị giá là 270.133.342.000 đồng Việt Nam và tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2008 bằng tiền với tổng trị giá là 134.918.440.000 đồng Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo CV số 05/2009/CV-SSIHO của SSI gửi cho SGDCK TP.HCM, công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30/01/2009 và thực hiện trả lãi trong năm 2009 cho 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 và 2.222.240 trái phiếu mã SSICB0306.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0206 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên SGDCK TP.HCM nên SGDCK TP.HCM sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Tastsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
		miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2000

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc:

- *Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;*
- *Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;*
- *Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và*
- *Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.*

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu 60755007/13534908

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: *Hội đồng Quản trị*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") và công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Tổng Giám đốc



Trần Đình Cường

Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Kiểm toán viên phụ trách

Võ Xuân Minh

Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007
100	A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		2.832.440.630.345	6.228.570.268.479
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.610.984.422.667	2.142.293.074.621
111	1. Tiền mặt tại quỹ		374.521.673	3.912.762.167
112	2. Tiền gửi ngân hàng	IV.1	842.738.742.441	764.774.064.856
113	3. Tiền đang chuyển		-	-
114	4. Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	IV.2	724.920.960.417	1.264.663.878.109
115	5. Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành		-	-
116	6. Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		-	9.171.090
117	7. Tiền gửi của người ủy thác đầu tư	IV.3	42.950.198.136	108.933.198.399
120	II. Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		860.476.309.199	2.667.950.986.648
121	1. Chứng khoán tự doanh	IV.4	473.781.503.876	442.806.592.198
122	2. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	IV.5	337.554.350.207	256.025.510.000
123	3. Đầu tư ngắn hạn	IV.6	74.843.750.000	2.030.000.000.000
125	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	IV.4	(25.703.294.884)	(60.881.115.550)
130	III. Các khoản phải thu		355.711.966.416	1.394.305.183.283
132	1. Phải thu của nhà đầu tư	IV.7	265.213.100.150	478.922.625.405
133	2. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán	IV.8	76.713.446.229	59.353.993.999
134	3. Ứng trước cho người bán	IV.9	5.147.469.367	821.005.893.754
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
136	5. Phải thu nội bộ		-	-
137	6. Phải thu khác	IV.10	8.637.950.670	35.022.670.125
150	IV. Tài sản lưu động khác		5.267.932.063	24.021.023.927
151	1. Tạm ứng		2.186.226.208	3.488.228.757
152	2. Chi phí trả trước	IV.11	2.683.705.855	1.975.817.170
153	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
156	4. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	IV.12	398.000.000	18.556.978.000

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007
200	B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		2.788.437.724.253	3.133.064.052.625
210	I. Tài sản cố định		162.829.348.745	110.188.258.246
211	1. Tài sản cố định hữu hình	IV.13	38.148.347.944	37.713.517.861
212	Nguyên giá		58.908.243.932	46.420.364.133
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.759.895.988)	(8.706.846.272)
214	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
215	Nguyên giá		-	-
216	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
217	3. Tài sản cố định vô hình	IV.13	124.681.000.801	72.474.740.385
218	Nguyên giá		129.657.400.085	73.909.449.800
219	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.976.399.284)	(1.434.709.415)
220	II. Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		2.606.084.826.421	3.004.568.928.277
221	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán	IV.14	2.312.115.299.038	2.435.931.642.759
222	2. Đầu tư vào các công ty liên kết	IV.15	453.067.080.821	487.132.135.518
223	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn của người ủy thác đầu tư		-	-
224	4. Đầu tư dài hạn khác	IV.16	131.393.890.000	81.505.150.000
227	5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		(290.491.443.438)	-
230	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	IV. Tài sản dài hạn khác		19.523.549.087	18.306.866.102
241	1. Ký quỹ, ký cược dài hạn	IV.17	6.497.060.132	6.020.644.132
242	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		6.140.770.930	1.513.947.613
243	3. Tài sản dài hạn khác	IV.18	6.885.718.025	10.772.274.357
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.620.878.354.598	9.361.634.321.104

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng12 năm 2008 (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		1.723.975.051.271	5.305.102.368.435
310	I. Nợ ngắn hạn		942.287.468.735	4.345.155.973.536
311	1. Vay ngắn hạn	IV.19	110.000.000.000	2.550.000.000.000
312	2. Vay dài hạn đến hạn trả	IV.20	-	100.000.000.000
315	3. Phải trả trung tâm GDCK		-	-
318	4. Phải trả người bán	IV.21	12.014.849.236	101.854.078.499
319	5. Người mua ứng trước	IV.22	1.918.777.500	130.890.514.414
320	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.893.987.130	6.789.658.503
	Trong đó:			
	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.267.989.130	6.264.928.503
	Phải trả cổ tức cho cổ đông		1.625.998.000	524.730.000
323	7. Thuế và các khoản phải trả khác	IV.23	31.480.687.718	90.521.897.526
324	8. Phải trả nhân viên		13.750.000	34.110.726
325	9. Chi phí phải trả	IV.24	59.774.383.499	111.484.227.628
327	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	IV.25	534.991.600	12.713.535.200
328	11. Phải trả, phải nộp khác	VI. 26	5.471.983.261	4.143.702.869
332	12. Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	IV.27	718.184.058.791	1.236.724.248.171
340	II. Nợ dài hạn		781.687.582.536	959.946.394.899
341	1. Vay dài hạn		-	-
342	2. Nợ dài hạn	IV.28	388.892.000.000	555.560.000.000
344	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		348.551.500	1.099.226.500
345	4. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	IV.29	392.447.031.036	403.287.168.399
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.896.903.303.327	4.056.531.952.669
410	I. Vốn góp ban đầu	IV.30	1.366.666.710.000	1.199.998.710.000
412	1. Vốn góp cổ phần		1.366.666.710.000	1.199.998.710.00
420	II. Vốn bổ sung	IV.31	1.996.057.965.000	1.995.777.965.000
421	1. Thặng dư vốn cổ phần		1.996.057.965.000	1.995.777.965.000
430	III. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		622.385.275.058	860.755.277.669
431	1. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-
432	2. Quỹ dự trữ pháp định và bổ sung vốn điều lệ	IV.31	115.064.783.174	28.647.186.451
438	3. Lợi nhuận chưa phân phối	IV.30	423.185.498.706	824.260.834.258
439	4. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	IV.31	84.134.993.178	7.847.256.960
440	IV. Vốn điều chỉnh		(88.206.646.731)	-
443	1. Giá trị thuần của chứng khoán ngân quỹ		(88.206.646.731)	-
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.620.878.354.598	9.361.634.321.104

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007
6. Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước		6.220.417.920.000	4.535.411.100.000
6.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước		5.240.634.400.000	3.866.326.750.000
- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước		1.324.951.350.000	1.576.434.200.000
- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		3.915.683.050.000	2.289.892.550.000
- Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên trong nước		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của công ty thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người ủy thác đầu tư		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố thành viên trong nước		979.783.520.000	669.084.350.000
- Chứng khoán cầm cố của công ty thành viên trong nước		-	289.842.260.000
- Chứng khoán cầm cố của người đầu tư thành viên trong nước		979.783.520.000	379.242.090.000
- Chứng khoán cầm cố của người ủy thác đầu tư		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ của thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của công ty thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của người đầu tư thành viên trong nước		-	-
- Chứng khoán tạm giữ của người ủy thác đầu tư		-	-
7. Chứng khoán lưu ký thành viên nước ngoài		873.856.250.000	241.345.260.000
7.1 Chứng khoán giao dịch thành viên nước ngoài		873.856.250.000	241.345.260.000
- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên nước ngoài		-	69.886.850.000
- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên nước ngoài		873.856.250.000	171.458.410.000
- Chứng khoán giao dịch của người ủy thác đầu tư thành viên nước ngoài		-	-

Q. Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Minh Thủy	**Nguyễn Thị Thanh Hà**	**Nguyễn Duy Hưng**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2009
Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN I: LÃI - LỖ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	IV.32	1.136.591.542.494	1.244.118.458.505
	Trong đó:			
02	*Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư*		*115.751.810.479*	*250.374.692.239*
03	*Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán*		*453.734.142.155*	*695.396.145.555*
04	*Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư*		*44.561.548.222*	*32.621.939.182*
05	*Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán*		*8.646.285.660*	*51.620.852.881*
06	*Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư*		*9.456.472.056*	*23.303.341.001*
07	*Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư*		*5.413.832.090*	*5.480.963.894*
08	*Hoàn nhập dự phòng và các khoản trích trước*		*327.409.888.209*	-
09	*Doanh thu về vốn kinh doanh*		*171.335.482.523*	*185.320.523.753*
10	*Doanh thu cho thuê tài sản, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin*		*282.081.100*	-
11	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	IV.32	(600.181.818)	(287.197.790)
12	3. Doanh thu thuần	IV.32	1.135.991.360.676	1.243.831.260.715
13	4. Thu lãi đầu tư	IV.33	246.052.674.210	108.616.170.255
14	5. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		1.382.044.034.886	1.352.447.430.970
15	6. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	IV.34	(1.072.329.837.940)	(392.278.336.766)
20	7. Lợi nhuận gộp		309.714.196.946	960.169.094.204
30	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(761.877.233)	(1.096.828.631)
40	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		308.952.319.713	959.072.265.573
41	*Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh*	*IV. 35*	*25.267.192.151*	*458.789.183*
42	*Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh*	*IV. 35*	*(22.335.211.375)*	*(145.647.903)*
50	10. Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh		2.931.980.776	313.141.280
51	11. Lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết		(34.065.054.697)	2.132.135.518
60	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		277.819.245.792	961.517.542.371
61	13. Lợi nhuận tính thuế		206.537.975.910	957.715.919.057
70	14. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	IV.23	(27.302.275.035)	(97.341.575.132)
80	15. Lợi nhuận sau thuế		250.516.970.757	864.175.967.239
90	16. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	V.1	1.868	8.378

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
I.Thuế	10	90.521.897.526	81.471.465.723	(140.512.675.531)	31.480.687.718
1. Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11	105.052.660	2.526.616.634	(2.608.087.105)	23.582.189
2. Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3. Thuế nhập khẩu	13	-	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	75.156.970.643	27.425.202.621	(97.198.348.134)	5.383.825.130
5. Thuế nhà đất	15	-	34.427.600	(34.427.600)	-
6. Tiền thuê đất	16	-			-
7. Các loại thuế khác	17	15.259.874.223	51.485.218.868	(40.671.812.692)	26.073.280.399
Thuế thu nhập cá nhân		*14.602.959.483*	*28.391.381.118*	*(18.358.035.114)*	*24.636.305.487*
Thuế môn bài		-	*15.500.000*	*(15.500.000)*	-
Thuế chuyển nhượng chứng khoán		*564.517.826*	*22.723.149.159*	*(21.850.976.793)*	*1.436.690.192*
Thuế khác		*92.396.914*	*355.188.591*	*(447.300.785)*	*284.720*
II. Các khoản phải nộp khác	18	-			-
1. Các khoản phí, lệ phí	19	-	-	-	-
2. Các khoản phải nộp khác	20	-	-	-	-
		90.521.897.526	81.471.465.723	(140.512.675.531)	31.480.687.718

** Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm 27.302.275.035 đồng EIT hiện hành cho năm 2008 và 122.927.586 đồng EIT phải nộp bổ sung cho năm trước.*

Q. Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Minh Thủy	**Nguyễn Thị Thanh Hà**	**Nguyễn Duy Hưng**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2009
Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
Lợi nhuận trước thuế		277.819.245.792	961.517.542.371
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	IV.13	16.219.270.853	7.144.328.775
Các khoản lập dự phòng	IV.4,		
	IV14	255.313.622.772	58.253.905.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	IV.23	(97.198.348.134)	(82.469.143.849)
Cổ tức, lãi chia đã trả	IV.30	(403.425.784.000)	(49.999.800.000)
Tiền thực chi quỹ khen thưởng phúc lợi	IV.30	(72.633.003.730)	(41.024.161.020)
Lãi lỗ thanh lý TSCĐ		(2.443.902.854)	167.849.153
Lãi lỗ khác		(145.164.783.900)	(39.547.502.747)
Thu lãi đầu tư		*(261.711.932.532)*	*(156.996.263.537)*
Chi phí lãi vay		*82.482.093.935*	*119.580.896.308*
(Lãi)/lỗ từ góp vốn liên kết		*34.065.054.697*	*(2.132.135.518)*
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(171.513.683.201)	814.043.018.233
(Tăng)/giảm các khoản phải thu		264.503.924.223	(398.689.121.605)
(Tăng)/ giảm chứng khoán tự doanh		(184.902.395.061)	436.588.511.065
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		(687.617.539.965)	201.740.562.385
(Tăng)/ giảm Các khoản chi phí trả trước		3.178.667.647	(10.356.994.086)
(Tăng)/ giảm các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược		16.962.562.000	18.160.224.274
Tăng các khoản nhận thế chấp, ký quỹ, ký cược		-	1.099.226.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(759.388.464.357)	1.062.585.426.766
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền mua TSCĐ		(45.263.608.399)	(156.269.891.875)
Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCD		23.931.083.029	-
Tiền đầu tư vào công ty liên kết		-	(485.000.000.000)
Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(608.734.128.364)	(4.315.012.891.652)
Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		3.339.687.008.868	-
Thu lãi đầu tư		281.501.532.043	99.286.773.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.991.121.887.177	(4.856.996.010.510)

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu		-	2.085.227.955.000
Chi mua cổ phiếu quỹ	IV.30	(88.206.646.731)	-
Tiền vay		85.000.000.000	3.208.560.000.000
Tiền vay		*85.000.000.000*	*3. 153.000.000.000*
Phát hành trái phiếu chuyển đổi		-	*55.560.000.000*
Tiền trả nợ vay		(2.625.000.000.000)	(752.000.000.000)
Trả lãi tiền vay		(135.115.428.043)	(20.153.979.960)
Tăng khác liên quan đến vốn chủ sở hữu	IV.30	280.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.763.042.074.774)	4.521.633.975.040
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(531.308.651.954)	727.223.391.296
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	IV.1,2	2.142.293.074.621	1.415.069.683.325
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	IV.1,2	1.610.984.422.667	2.142.293.074.621

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến VI là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này

Q. Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Minh Thủy	**Nguyễn Thị Thanh Hà**	**Nguyễn Duy Hưng**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31/12/2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. Thông tin về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động

Công ty được cấp Giấy phép Hoạt động số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng kí lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 03/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu và Hải Phòng.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.366.666.710.000 đồng Việt nam.

Trong năm 2008, Công ty có các đợt tăng vốn điều lệ như sau

Vốn tăng thêm (đồng Việt Nam)	Được phê duyệt theo	Ngày
166.668.000.000	Giấy phép số 123/UBCK-GPDCCTCK	16 tháng 4 năm 2008

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2008 và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Tastsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
		miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2000

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 1999
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2005
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2007

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu và một (01) chi nhánh tại Hải Phòng.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một (01) công ty con như sau

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	30 tỷ đồng	100%

Qũy Tầm nhìn SSI

Trong năm 2007, Công ty cũng đã đầu tư vào quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Qũy Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồngViệt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc tại Công ty và công ty con đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 395 người (năm 2007 là 398).

II. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo

- *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);*
- *Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);*
- *Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);*
- *Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và*
- *Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).*

Theo Công văn 15040/BTC-CDKT của Bộ Tài chính, Công ty vẫn được tiếp tục lập báo cáo tài chính quý 4/2008 và báo cáo tài chính năm 2008 theo mẫu quy định tại Quyết định 99/2000/QĐ-BTC. Công ty sẽ thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4. Cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ báo cáo với Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ toàn bộ trừ khi có dấu hiệu giảm giá trị của tài sản được chuyển giao.

Báo cáo tài chính của các công ty con (trình bày trong thuyết minh số I) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Công ty có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các k hoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	*3 năm*
Phương tiện vận tải	*6 năm*
Thiết bị, dụng cụ quản lý	*3 – 5 năm*
Phần mềm	*3 – 5 năm*
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	*không khấu hao*

9. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Đầu tư vào chứng khoán

10.1 Chứng khoán tự doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán tự doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoãn lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

10.2 Dự phòng chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

11. Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Vốn ủy thác nhân được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

12. Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp này, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và giá trị hiện tại của khoản đầu tư có thể tăng hoặc giảm phản ánh phần chia sẻ của Công ty trong khoản lãi hoặc lỗ của quỹ đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần chia sẻ của Công ty trong kết quả hoạt động của quỹ đầu tư. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty và quỹ đầu tư được loại trừ tùy thuộc vào mức độ góp vốn vào quỹ đầu tư đó của Công ty.

Các quỹ đầu tư có cùng niên độ lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán áp dụng thống nhất với các chính sách của Công ty đối với các giao dịch hoặc các sự kiện có tính chất giống nhau trong các điều kiện tương đương.

13. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

14. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

17. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời đượckhấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

19. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

III. Thông tin báo cáo bộ phận

1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008						
1. Doanh thu trực tiếp	121.165.642.569	1.027.196.704.574	171.335.482.523	44.561.548.222	20.716.637.774	1.384.976.015.662
2. Các chi phí trực tiếp	22.692.614.277	817.141.412.192	105.382.997.545	-	-	945.217.024.014
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	89.966.525.475	26.240.236.597	3.748.605.228	23.241.352.414	18.743.026.142	161.939.745.856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	8.506.502.817	183.815.055.785	62.203.879.750	21.320.195.808	1.973.611.632	277.819.245.792
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008						
1.Tài sản bộ phận trực tiếp	789.911.895.816	3.358.571.232.732	830.972.683.314	398.342.778.327	-	5.377.798.590.189
2.Tài sản bộ phận phân bổ	100.819.477.203	29.405.680.851	4.200.811.550	26.045.031.611	21.004.057.750	181.475.058.965
3.Tài sản không phân bổ						61.604.705.444
Tổng tài sản	890.731.373.019	3.387.976.913.583	835.173.494.864	424.387.809.938	21.004.057.750	5.620.878.354.598
1.Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	721.521.186.886	-	451.988.796.311	506.950.356.078	-	1.680.460.339.275
2.Nợ phải trả bộ phận phân bổ	2.718.243.235	792.820.944	113.260.135	702.212.836	566.300.674	4.892.837.824
3.Nợ phải trả không phân bổ						38.621.874.172
Tổng công nợ	724.239.430.121	792.820.944	452.102.056.446	507.652.568.914	566.300.674	1.723.975.051.271

2. Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

IV. Chi tiết một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính hợp nhất

IV.1. Tiền gửi ngân hàng

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	150.412.204.930
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	20.039.191.944	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương	4.416.000	4.255.800
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.263.145.310	15.272.454.551
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.395.172.403	6.238.557.116
Ngân hàng Indovina	4.520.921.941	-
Ngân hàng HSBC	4.146.152.196	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	1.047.478.555	-
Ngân hàng ANZ	2.868.171.423	2.631.463.951
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.009.336	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải	-	215.128.508
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	120.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	540.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	140.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)	110.000.000.000	-
Ngân hàng ANZ	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	100.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Indovina - CN Đống Đa	105.000.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered	80.452.083.333	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Hà Thành (BIDV)	65.000.000.000	-
Ngân hàng VID Public- CN Hải Phòng	60.000.000.000	-
	842.738.742.441	764.774.064.856

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn ngắn từ 7 ngày đến 90 ngày với lãi suất nằm trong khoảng 6,8% đến 10,5%/năm. Bao gồm trong các khoản tiền gửi này có 45.000.000.000 đồng thuộc nguồn vốn vay theo các hợp đồng ủy thác vốn có lợi tức cố định trong khoảng 7.2% năm cho nhà ủy thác. Các hợp đồng ủy thác vốn này được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI ("SSIAM").

IV.2. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	160.354.000.179	376.451.763.625
Ngân hàng Indovina Bank Ltd	75.063.521.673	167.457.176.712
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	150.763.741.325	184.690.304.935
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	75.607.306.955	150.227.021.746
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP Hồ Chí Minh	-	101.345.876.743
Ngân hàng ANZ	141.156.913.003	99.178.516.439
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	-	53.041.324.604
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	28.924.448.898	52.584.695.834
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	10.931.656.382	12.028.566.066
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.262.323.168	31.537.315.777
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	19.109.215.383	11.425.462.577
Ngân hàng VID Public	51.393.835.686	9.599.906.404
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	3.729.649.313	8.553.012.770
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.287.509	4.050.984.140
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	872.385.064
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	-	14.995.117
Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	841.030.629
Ngân hàng Korea Exchange Bank	3.316.384.099	763.538.927
Ngân hàng Far East National	306.676.844	-
Tổng cộng	**724.920.960.417**	**1.264.663.878.109**

IV.3. Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư là các khoản tiền gửi trong khuôn khổ các hợp đồng ủy thác đầu tư được thực hiện và quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI. Chi tiết các khoản tiền gửi này như sau:

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	4.950.198.136	58.933.198.399
Theo các hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và lợi tức chia sẻ giữa nhà đầu tư và SSIAM	3.034.428.619	211.485.301
Theo các hợp đồng có phí quản lý và phí thưởng cho SSIAM	1.915.769.517	58.721.713.098
Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	50.000.000.000
Theo các hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và lợi tức chia sẻ giữa nhà đầu tư và SSIAM	23.000.000.000	-
Theo các hợp đồng có phí quản lý và phí thưởng cho SSIAM	15.000.000.000	50.000.000.000
	42.950.198.136	**108.933.198.399**

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn của người ủy thác đầu tư được gửi tại ngân hàng lưu ký là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và lợi tức chia sẻ giữa nhà đầu tư và SSIAM gồm hai hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Nhà Hà Nội. Cả hai hợp đồng đều có thời hạn thu hồi dưới 3 tháng, lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho thời kỳ bắt đầu từ ngày 26 tháng 12 năm 2008 đến ngày 9 tháng 1 năm 2009 là 7,3%/năm.

IV.4. Chứng khoán tự doanh

Chi tiết chứng khoán tự doanh

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
23.525.518.223	63.738.913.438
133.869.946.200	151.969.146.156
316.386.039.453	227.098.532.604
473.781.503.876	**442.806.592.198**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	5.840.555.556	1.961.115.550
Cổ phiếu chưa niêm yết	19.862.739.328	58.920.000.000
	25.703.294.884	**60.881.115.550**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

IV.5. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	60.954.111.946	172.725.400.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	66.650.270.000	44.754.760.000
Trái phiếu các loại	209.949.968.261	38.545.350.000
	337.554.350.207	**256.025.510.000**

Chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

IV.6. Đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Đại Dương	-	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	2.010.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long	74.843.750.000	-
	74.843.750.000	**2.030.000.000.000**

Kỳ phiếu gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long có tổng mệnh giá là 75.000.000.000 đồng, được hưởng chiết khấu 5%/năm, kỳ hạn kéo dài 5 tháng, lãi suất là 17.3%. Khoản mục này nằm trong khuôn khổ hoạt động đầu tư của hợp đồng ủy thác quản lý vốn có lợi tức cố định là 16.8% cho nhà ủy thác đầu tư. Hợp đồng này đang được quản lý tại công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

IV.7. Phải thu của nhà đầu tư

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Phí giao dịch chứng khoán còn phải thu	449.774.598	256.066.505
Phí tư vấn còn phải thu	-	14.265.000.000
Phí bảo lãnh phát hành còn phải thu	322.000.000	300.000.000
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	5.607.060.188	6.136.197.021
Phải thu phí quản lý quỹ	2.671.986.472	4.760.859.232
Phải thu phí quản lý cổ đông	370.000.000	
Phí lưu ký còn phải thu	-	1.601.000.000
Phải thu theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	237.253.934.413	360.567.604.032
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	18.538.344.479	91.027.452.015
Phải thu khác	-	8.446.600
	265.213.100.150	**478.922.625.405**

Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán là khoản tiền thanh toán để mua các chứng khoán theo các thỏa thuận mua và cam kết bán lại. Các thỏa thuận này có thời hạn hiệu lực từ 1 đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 0,68%/tháng đến 1,2%/tháng. Bao gồm trong khoản mục này có 47.504.774.413 đồng là được thực hiện trong khuôn khổ các hợp đồng ủy thác đầu tư có lợi tức cố định hoặc hợp đồng có lợi tức tối thiểu cho nhà đầu tư và chia sẻ lợi nhuận giữa nhà đầu tư và SSIAM.

Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán. Theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba (ngày T+3) kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công. Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư sẽ chịu mức phí là 0,044%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

IV.8. Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Lãi trái phiếu đô thị TP. HCM	-	72.555.556
Lãi trái phiếu Chính phủ còn phải thu	24.886.679.218	20.819.543.589
Lãi trái phiếu các tổ chức khác còn phải thu	51.826.767.011	38.371.894.854
Cổ tức còn phải thu	-	90.000.000
	76.713.446.229	**59.353.993.999**

Bao gồm trong khoản lãi trái phiếu Chính phủ và các tổ chức còn phải thu có 9.559.183.323 đồng là khoản lãi trái phiếu phải thu cho hợp đồng ủy thác quản lý vốn có lợi tức cố định 7,6%/năm cho nhà đầu tư và có lợi tức chia sẻ giữa người đầu tư và SSIAM.

IV.9. Ứng trước cho người bán

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ	734.061.794	1.947.487.954
Khoản tiền mua quyền cổ phần và cổ phiếu đang chờ chuyển nhượng quyền sở hữu	-	571.974.543.400
Khoản tiền mua trái phiếu đang chờ chuyển nhượng quyền sở hữu	-	200.000.000.000
Khoản tiền ứng trước mua phần mềm Oracle	995.517.500	-
Khoản tiền ứng trước mua và lắp đặt thiết bị mặt bằng Phú Mỹ Hưng & chi nhánh Nguyễn Công Trứ	3.219.122.131	46.924.280.000
Các khoản ứng trước cho người bán khác	198.767.942	159.582.400
	5.147.469.367	**821.005.893.754**

IV.10. Phải thu khác

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Phải thu lãi tiền gửi	5.676.849.981	34.080.861.111
Lãi phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	2.360.618.187	-
Các khoản khác	600.482.502	941.809.014
	8.637.950.670	**35.022.670.125**

IV.11 Chi phí trả trước

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Giá trị công cụ dụng cụ, các chi phí ngắn hạn còn phải phân bổ	2.683.705.855	1.975.817.170
	2.683.705.855	**1.975.817.170**

IV.12. Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Khoản đặt cọc cho Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh để tham gia đấu giá mua cổ phần	-	17.419.978.000
Các khoản đặt cọc khác	398.000.000	1.137.000.000
	398.000.000	**18.556.978.000**

IV.13. Tài sản cố định

IV.13.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện, vận tải VNĐ	Thiết bị, văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2007		33.053.004.058	11.811.176.903	1.556.183.172	46.420.364.133
Tăng trong kỳ					
Mua mới	3.284.500.780	13.207.563.565	-	81.398.520	16.573.462.865
Giảm trong kỳ					
Bán thanh lý	(3.284.500.780)	(769.682.286)	-	(31.400.000)	(4.085.583.066)
Phân loại lại		88.417.095	-	(88.417.095)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	45.579.302.432	11.811.176.903	1.517.764.597	58.908.243.932
Giá trị hao mòn					
Ngày 31 tháng 12 năm 2007		6.419.194.215	2.120.637.856	167.014.201	8.706.846.272
Tăng trong kỳ					
Khấu hao	-	10.299.169.977	1.985.962.927	392.448.080	12.677.580.984
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ					
Bán thanh lý	-	(593.131.268)	-	(31.400.000)	(624.531.268)
Phân loại lại	-	78.361.121	-	(78.361.121)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	16.203.594.045	4.106.600.783	449.701.160	20.759.895.988
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	-	26.633.809.843	9.690.539.047	1.389.168.971	37.713.517.861
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	29.375.708.387	7.704.576.120	1.068.063.437	38.148.347.944

IV.13.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản vô hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	9.036.933.000	64.663.652.800	208.864.000	73.909.449.800
Tăng trong năm				
Mua trong năm	3.262.474.357	68.153.723.400	2.667.402.328	74.083.600.085
Giảm trong năm				
Bán thanh lý	-	(18.335.649.800)	-	(18.335.649.800)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	12.299.407.357	114.481.726.400	2.876.266.328	129.657.400.085
Hao mòn lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.325.237.209	-	109.472.206	1.434.709.415
Tăng trong năm				
Khấu hao	3.424.295.651	-	117.394.218	3.541.689.869
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	4.749.532.860	-	226.866.424	4.976.399.284
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2007	7.711.695.791	64.663.652.800	99.391.794	72.474.740.385
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	7.549.874.497	114.481.726.400	2.649.399.904	124.681.000.801

IV.14. Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Trái phiếu	924.267.925.893	964.685.607.325
Niêm yết	726.454.669.449	766.872.350.881
Chưa niêm yết	197.813.256.444	197.813.256.444
Cổ phiếu	1.387.847.373.145	1.471.246.035.434
Niêm yết	803.239.060.875	638.817.969.502
Chưa niêm yết	584.608.312.270	832.428.065.932
	2.312.115.299.038	**2.435.931.642.759**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	179.411.815.106	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	111.079.628.332	-
	290.491.443.438	-

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

IV.15. Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Tổng vốn góp của đơn vị nhận đầu tư (VNĐ)	% sở hữu của Công ty	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ	Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (VNĐ)
Quỹ Tầm nhìn SSI	1.700.000.000.000	28,53%	485.000.000.000	453.067.080.821
			485.000.000.000	**453.067.080.821**

IV.16. Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ	% sở hữu của Công ty năm2008	% sở hữu của Công ty năm2007
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	101.393.900.000	51.505.150.000	9,98%	9,98%
Công ty Thủy điện Hủa Na	9.000.000.000	9.000.000.000	9,00%	9,00%
Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt	6.000.000.000	6.000.000.000	12,00%	12,00%
Công ty Bất động sản SSI	14.999.990.000	15.000.000.000	14,99%	15,00%
	131.393.890.000	**81.505.150.000**		

IV.17. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Khoản đặt cọc tiền thuê nhà	6.469.804.132	6.004.744.132
Các khoản khác	27.256.000	15.900.000
	6.497.060.132	**6.020.644.132**

IV.18. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác của Công ty bao gồm các chi phí dài hạn chưa phân bổ hết vào chi phí tại thời điểm cuối năm. Tình hình phân bổ chi phí dài hạn trong năm được chi tiết như sau

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Số dư đầu kỳ	**10.772.274.357**	**1.541.085.090**
Tăng trong kỳ	2.594.914.608	12.469.192.229
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	6.481.470.940	3.238.002.962
Số dư cuối kỳ	**6.885.718.025**	**10.772.274.357**

IV.19. Vay ngắn hạn

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Các khoản vay theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn	110.000.000.000	2.550.000.000.000
	110.000.000.000	**2.550.000.000.000**

Khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn gồm 2 hợp đồng có thời hạn từ 145 ngày và 557 ngày, lãi suất cố định lần lượt là 14% và 16.8%/năm và được quản lý bởi SSIAM

IV.20. Vay dài hạn đến hạn trả

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Công ty cổ phần Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	100.000.000.000
	-	**100.000.000.000**

Vay dài hạn đến hạn năm 2007 trả là khoản vay theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn có thời hạn gốc 12 tháng với lãi suất 9,4%/năm.

IV.21. Phải trả người bán

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Các khoản bán repo trái phiếu còn phải trả	10.000.000.000	99.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	99.000.000.000
Công ty TNHH Finansa Việt Nam	10.000.000.000	
Các khoản khác	2.014.849.236	2.854.078.499
	12.014.849.236	**101.854.078.499**

IV.22. Người mua ứng trước

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	1.701.314.000	2.423.998.130
Nhận đặt cọc từ Quỹ Tầm nhìn SSI để mua cổ phiếu Hoàng Anh Gia Lai	-	82.500.000.000
Nhận tiền đặt cọc môi giới chứng khoán từ Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	45.000.000.000
Các khách hàng khác	217.463.500	966.516.284
	1.918.777.500	**130.890.514.414**

IV.23. Thuế và các khoản phải trả khác

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Thuế Giá trị Gia tăng	23.582.189	105.052.660
Thuế Thu nhập Cá nhân	24.636.305.487	14.602.959.483
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	5.383.825.130	75.156.970.643
Thuế khác	1.436.974.912	656.914.740
	31.480.687.718	**90.521.897.526**

Thuế Giá trị Gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 3 năm tiếp theo. Năm kinh doanh có lãi đầu tiên của công ty là 2001. Công ty được áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh năm 1999. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất 20%. Mức thuế suất cho các năm tiếp theo là 25%.

Theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 5428/TC-CST ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài Chính, các công ty mới niêm yết trên thị trường chứng khoán được giảm trừ 50% thuế TNDN tính từ năm đầu tiên niêm yết. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 12 năm 2006, theo đó, mức thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm 2007 và năm 2008 là 10%.

Theo hướng dẫn của Thông tư 03/2009-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 về việc giảm và gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, SSIAM được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho quý IV năm 2008 do SSIAM đáp ứng tiêu chí của công ty vừa và nhỏ với số lao động sử dụng bình quân trong quý IV không quá 300 người. Thuế thu nhập quý IV được xác định là một phần tư (1/4) tổng số thuế phải nộp trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	277.819.245.792	961.517.542.371
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(108.041.282.155)	(12.523.752.350)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(105.424.919.193)	(12.523.752.350)
Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất (theo biểu tính thuế độc lập quy định tại 134/2007/TT-BTC)	(2.616.362.962)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế chịu thuế suất 10% của riêng Công ty	**169.777.963.637**	**948.993.790.021**
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	16.977.796.364	94.899.379.002
Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất	1.481.273.500	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con	8.843.205.171	2.442.196.130
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	**27.302.275.035**	**97.341.575.132**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	75.156.970.643	59.694.275.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm trước	122.927.586	590.263.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(97.198.348.134)	(82.469.143.849)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính còn phải nộp cuối năm	**5.383.825.130**	**75.156.970.643**

(*): Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm các khoản lợi nhuận trước thuế của công ty con hạch toán độc lập, lợi nhuận từ đơn vị nhận vốn đầu tư đã khấu trừ thuế tại nguồn và thu nhập cổ tức không chịu thuế.

IV.24. Chi phí phải trả

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Chi phí lãi hợp đồng repo phải trả	73.889.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	3.844.166.668	33.462.672.452
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	49.178.740.643	73.878.020.000
Chi phí phải trả về giao dịch chứng khoán	1.055.765.470	2.588.699.190
Trợ cấp mất việc làm	4.879.087.823	1.018.627.906
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	478.381.895	536.208.080
Các khoản khác	264.352.000	-
	59.774.383.499	**111.484.227.628**

Chi phí lãi vay phải trả là chi phí phải trả cho các hợp đồng ủy thác quản lý vốn có lợi tức cố định được quản lý bởi SSIAM.

IV.25. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Công ty Cổ phần Ligogi 16	-	5.453.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	1.380.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Hà Nội	-	2.175.669.000
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải	-	1.677.060.000
Các khách hàng khác	534.991.600	2.027.806.200
	534.991.600	**12.713.535.200**

IV.26. Phải trả phải nộp khác

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Doanh thu nhận trước	264.083.331	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải nộp	42.560.834	969.122.539
Các khoản khác	5.165.339.096	3.174.580.330
	5.471.983.261	**4.143.702.869**

IV.27. Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Nhà đầu tư của Trụ sở chính	519.526.620.449	937.338.699.675
Nhà đầu tư của Chi nhánh Hà Nội	147.915.961.592	237.854.204.481
Nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	50.741.476.750	61.531.344.015
	718.184.058.791	**1.236.724.248.171**

IV.28 . Nợ dài hạn

Nợ dài hạn phản ánh số dư trái phiếu chuyển đổi với chi tiết tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 như được trình bày dưới đây:

Tên trái phiếu	Ngày bắt đầu	Mệnh giá (VNĐ)	Số lượng	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất %/năm	Tổng giá trị (VNĐ)
SSICB0206	30/11/2006	100.000	1.500.000	26	13,20%	150.000.000.000
	29/08/2007	100.000	166.680	26	13,20%	16.668.000.000
SSICB0306	30/11/2006	100.000	2.000.000	38	13,80%	200.000.000.000
	29/08/2007	100.000	222.240	38	13,80%	22.224.000.000
						388.892.000.000

Điều kiện và tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu như sau

Tỷ lệ chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu bằng mệnh giá, 1 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng Việt Nam chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam.

Thời gian chuyển đổi

Chậm nhất vào 30 tháng 1 hàng năm, bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2008, thời hạn chuyển đổi có thể sớm hơn tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Các điều kiện khác

Các trái phiếu này không được bảo đảm. Công ty có quyền không trả trái tức cho các nhà đầu tư nếu như việc chi trả gây lỗ cho công ty, trong trường hợp này, số trái tức chưa trả sẽ được cộng chung vào tiền gốc trái phiếu kỳ hạn tiếp theo để tính lãi. Trong trường hợp Công ty bị phá sản, các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu sẽ là đối tượng cuối cùng được nhận thanh toán.

IV.29. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn

	Ngày 31 Tháng12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng12 Năm 2007 VNĐ
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	392.447.031.036	403.287.168.399
	392.447.031.036	**403.287.168.399**

(*): Danh mục đầu tư ủy thác được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.

IV.30. Vốn chủ sở hữu

IV.30.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu Ngânquỹ VNĐ	Quỹ dự trữ pháp định và bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.199.998.710.000	1.995.777.965.000	-	28.647.186.451	7.847.256.960	824.260.834.258	4.056.531.952.669
Trích bổ sung thuế năm trước	-	-	-	-	-	(122.927.586)	(122.927.586)
Tăng thặng dư vốn cổ phần từ nguồn cổ phiếu thưởng cho nhân viên thôi việc	-	280.000.000	-	-	-	-	280.000.000
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	166.668.000.000	-	-	-	-	-	166.668.000.000
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(88.206.646.731)	-	-	-	(88.206.646.731)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	86.417.596.723	160.000.000.000	(246.417.596.723)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(83.712.263.782)	-	(83.712.263.782)
Lợi nhuận sau thuế 2008	-	-	-	-	-	250.516.970.757	250.516.970.757
Chia cổ tức trong năm (*)	-	-	-	-	-	(405.051.782.000)	(405.051.782.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.366.666.710.000	1.996.057.965.000	(88.206.646.731)	115.064.783.174	84.134.993.178	423.185.498.706	3.896.903.303.327

(*): Trong năm, công ty đã trả cổ tức đợt 2 cho năm 2007 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2008 bằng tiền với tổng trị giá 405.051.782.000 (2007270.133.342.000 đồng và 2008:134.918.440.000 đồng Việt Nam)

(**): Quỹ khen thưởng phúc lợi sử dụng trong năm chủ yếu cho mục đích thưởng cho Ban Điều hành và nhân viên. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi khác.

IV.30.2 Cổ phiếu phổ thông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, số cổ phiếu phổ thông đang niêm yết của Công ty là 136.666.671. Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu có thể chuyển đổi.

IV.31. Các quỹ

	Số đầu năm (VNĐ)	Tăng trong năm (VNĐ)	Giảm trong năm(VNĐ)	Số cuối năm (VNĐ)
Quỹ dự trữ	28.647.186.451	86.417.596.723	-	115.064.783.174
Dự trữ pháp định	14.068.441.579	-	-	14.068.441.579
Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	13.368.592.206	86.417.596.723	-	99.786.188.929
Dự trữ dự phòng tài chính	1.210.152.666	-	-	1.210.152.666
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.847.256.960	160.000.000.000	(83.712.263.782)	84.134.993.178
	36.494.443.411	**246.417.596.723**	**(83.712.263.782)**	**199.199.776.352**

IV.32. Doanh thu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	115.751.810.479	250.374.692.239
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	453.734.142.155	695.396.145.555
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	44.561.548.222	32.621.939.182
Doanh thu bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán	8.646.285.660	51.620.852.881
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	9.456.472.056	23.303.341.001
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	5.413.832.090	5.480.963.894
Hoàn nhập dự phòng và các khoản trích trước	327.409.888.209	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	171.335.482.523	185.320.523.753
Doanh thu cho thuê TS, sử dụng thiết bị, thông tin	282.081.100	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(600.181.818)	(287.197.790)
3. Doanh thu thuần	**1.135.991.360.676**	**1.243.831.260.715**

IV.33. Thu lãi đầu tư

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	287.444.444	180.000.000
Lãi trái phiếu chính phủ	57.278.897.634	38.519.741.362
Lãi trái phiếu các tổ chức khác	83.121.084.757	66.955.318.898
Cổ tức	105.365.247.375	2.961.109.995
	246.052.674.210	**108.616.170.255**

IV.34. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	22.692.614.277	55.615.432.156
Chi phí tự doanh chứng khoán	200.352.846.514	1.202.978.800
Chi phí quản lý danh mục cho người đầu tư	-	34.166.667
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	5.000.000.000
Chi phí tư vấn cho người đầu tư	-	53.912.600
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	582.723.510.981	60.881.115.550
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	105.382.997.545	165.820.477.272
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	161.177.868.623	103.670.253.721
Chi phí nhân viên	76.757.286.565	46.969.815.202
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.409.456.811	1.495.946.193
Chi phí trả trước và công cụ	3.508.001.999	3.598.873.477
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.479.061.863	15.417.858.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.138.377.717	11.581.819.227
Chi phí thuê văn phòng	19.841.955.672	10.658.641.911
Chi phí khác	7.043.727.996	13.947.299.047
	1.072.329.837.940	**392.278.336.766**

IV.35. Thu nhập và chi phí ngoài hoạt động kinh doanh

	Năm nay (2008) VNĐ	Năm trước (2007) VNĐ
Thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh		
Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	24.770.114.818	-
Thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh	497.077.333	458.789.183
Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		
Chi phí từ chuyển quyền sử dụng đất tại Nha Trang	(22.153.751.856)	-
Chi phí khác ngoài hoạt động kinh doanh	(181.459.519)	(145.647.903)
	2.931.980.776	**313.141.280**

V. Các thông tin khác

1. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 134.133.329 (năm 2007: 103.150.659).

2. Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (VNĐ)
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	492.534.396
		Phải thu tiền bán chứng khoán	165.000.000.000
		Đã thu tiền bán chứng khoán	82.500.000.000
Công ty Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	29.855.380.000
		Tất toán hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	28.557.320.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	16.668.000.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	3.150.400.456
		Cổ tức thực trả	54.811.610.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Cổ tức thực trả	27.618.750.000

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm bao gồm

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu VNĐ	Khoản phải trả VNĐ
Công ty Bất động sản SSI (SSIRE)	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-
		Thực hiện hợp đồng mua bán lại	29.855.380.000	-
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của công ty tại ngânhàng	10.000.000.000	
		Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ	141.156.913.003	-
		Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi	-	58.892.000.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Nợ dài hạn trái phiếu chuyển đổi	-	27.472.000.000

3. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2008 VNĐ	Ngày 31 Tháng 12 Năm 2007 VNĐ
Đến 1 năm	16.573.891.500	15.052.390.958
Trên 1 – 5 năm	66.060.144.000	76.118.319.900
Trên 5 năm	32.005.908.000	35.354.474.688

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 17.400 đồng.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc trong năm 2008 là 7.535.000.000 đ

4. Các số liệu so sánh

Chỉ tiêu "Lợi nhuận tính thuế" trên Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất năm trước đã được trình bày lại (thể hiện lợi nhuận tính thuế hợp nhất) cho phù hợp với hình thức trình bày của năm hiện tại.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/ Tổng tài sản	%	49,61	33,47
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	50,39	66,53
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	30,67	56,67
Nợ phải trả/ tổng tài sản			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,01	1,43
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,01	1,43
(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	1,71	0,49
Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	21,57	69,45
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	4,46	9,23
(Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	18,33	72,02
(Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)			

6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm

Theo CV số 05/2009/CV-SSIHO của SSI gửi cho SGDCK TP.HCM, công ty sẽ tiến hành thực hiện chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 30/01/2009 và thực hiện trả lãi trong năm 2009 cho 1.666.680 trái phiếu mã SSICB0206 và 2.222.240 trái phiếu mã SSICB0306.

Do trái phiếu chuyển đổi SSICB0206 đã được phát hành trước khi cổ phiếu SSI được niêm yết trên SGDCK TP.HCM nên SGDCK TP.HCM sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu cổ phiếu SSI khi tiến hành chuyển đổi trái phiếu SSICB0206 thành cổ phiếu.

VI. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2009.

Q. Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Minh Thủy	**Nguyễn Thị Thanh Hà**	**Nguyễn Duy Hưng**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2009

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của công ty

Hội đồng quản trị

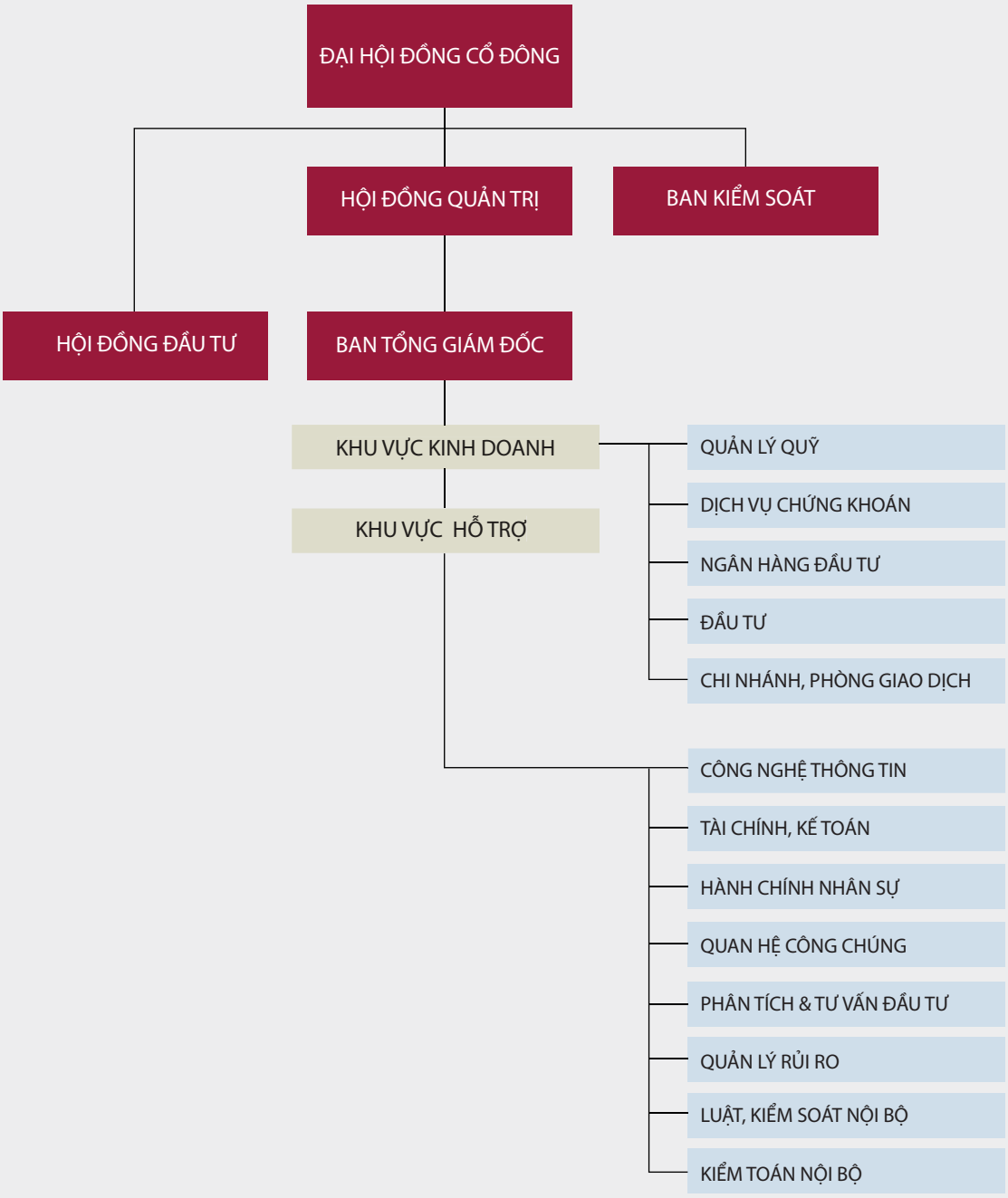
Ban Kiểm Soát

Ban Tổng giám đốc và Đội ngũ nhân sự chủ chốt

Chính sách nhân viên

Thay đổi nhân sự

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 1999
Ông Akihiko Kanamura	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Tatsuoka Toyoji	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007 Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2008
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2007
Ông Gilles Planté	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2007

Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông Hưng là người sáng lập SSI.

Ông Ngô Văn Điểm

Uỷ viên Hội đồng quản trị

Ông Điểm có bề dày kinh nghiệm 31 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Uỷ Ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng thẩm định nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức. Ông Ngô Văn Điểm là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Ông Akihiko Kanamura

Uỷ viên Hội đồng quản trị

Ông Akihiko Kanamura hiện đang là giám đốc của công ty chứng khoán Daiwa SMBC, trưởng khu vực Nam Á và Châu Đại Dương, Giám đốc Công ty chứng khoán Daiwa SMBC Singapore, Chứng khoán Daiwa SMBC Future- một ngân hàng đầu tư hàng đầu của Nhật Bản. Là thành viên kỳ cựu của ngành ngân hàng Nhật Bản, ông Kanamura đã gắn bó với công ty chứng khoán Daiwa từ năm 1983 và đã lần lượt đảm đương nhiều vị trí khác nhau trong công ty. Năm 2006, dưới sự lãnh đạo của ông, công ty chứng khoán Daiwa SMBC được đứng đầu bảng các công ty kinh doanh trái phiếu nội địa và bảng xếp hạng đấu thầu trái phiếu chính phủ Nhật Bản. Ông Akihiko Kanamura có bằng cử nhân thương mại của đại học Doshisha, Nhật Bản. Ông Akihiko Kanamura là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Ông Nguyễn Hồng Nam

Uỷ viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.

Ông Gilles Planté

Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông Plante hiện nay đang làm Giám đốc điều hành thị trường vốn, kinh doanh trên nhiều thị trường khác nhau từ ngoại hối, vốn, hàng hóa và sản phẩm phái sinh tại Ngân hàng đầu tư ANZ, thành viên của Tập đoàn tài chính ANZ. Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm Quản lý khu vực của bộ phận kinh doanh quyền chọn Credit Suisse trước khi gia nhập ANZ. Ông là thạc sỹ Tài chính Quốc tế. Ông Gilles Planté là thành viên HĐQT độc lập không điều hành.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong số năm thành viên Hội đồng quản trị thì ba thành viên là người Việt Nam, hai thành viên là người nước ngoài gồm các ông Akihiko Kanamura quốc tịch Nhật Bản và ông Gilles Planté quốc tịch Úc. Do cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như trên, nên các cuộc họp của Hội đồng quản trị phần lớn đều được tổ chức thông qua việc trao đổi bằng email, lấy ý kiến bằng văn bản. Tuy nhiên, các thành viên Hội đồng quản trị vẫn thường xuyên trao đổi với nhau để thông báo, thảo luận về tình hình hoạt động của Công ty nhằm đưa ra những quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành.

Hội đồng quản trị có ba người là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty, gồm các ông Ngô Văn Điểm, ông Akihiko Kanamura và ông Gilles Planté. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị với ba thành viên độc lập không điều hành bảo đảm cho Hội đồng quản trị độc lập với Ban điều hành và tập trung vào định hướng, nghiên cứu chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Lương	2.710.000.000 đồng
Thưởng	4.825.000.000 đồng
Bảo hiểm xã hội và sức khỏe	58.900.000 đồng

Thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định hàng năm căn cứ trên đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong năm 2008, chi phí cho các thành viên Hội đồng quản trị như trên.

Chi phí thù lao cho Hội đồng quản trị nêu trên bao gồm cả chi phí lương, thưởng, bảo hiểm và thuế TNCN cho ông Nguyễn Duy Hưng và ông Nguyễn Hồng Nam kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày cũng được cấp xe ô tô & lái xe phục vụ việc đi lại hàng ngày. Ngoài ra, không có chi phí cá nhân khác.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty, bao gồm các ông/bà:

Ông Nguyễn Văn Khải – Trưởng ban
Ông Đặng Phong Lưu – Thành viên
Bà Hồ Thị Hương Trà – Thành viên

Hiện nay, tất cả thành viên Ban Kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại Công ty. Đặc điểm này làm cho hoạt động của Ban Kiểm soát hoàn toàn mang tính độc lập, không bị ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

Trong năm 2008, Ban Kiểm soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty cũng như đã làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để nắm rõ hơn tình hình hoạt động của công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên năm 2009. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua đã không đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đặt ra từ đầu năm. Tuy nhiên, Công ty giữ vững được thị phần và tiếp tục khẳng định thương hiệu SSI trong hoàn cảnh thị trường khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Báo cáo tài chính năm 2008 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm tra công nhận và Ban Kiểm soát hoàn toàn thống nhất với các số liệu này.

Hoạt động của bộ phận Kiểm soát nội bộ cũng góp phần quan trọng trong việc bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của Công ty và nhân viên Công ty và hỗ trợ hoạt động cho Ban Kiểm soát rất tốt.



Ông Nguyễn Duy Hưng



Ông Nguyễn Hồng Nam

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5/ 3/ 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5/ 4/ 2000

(thông tin về các thành viên Ban Tổng Giám đốc xem tại mục Hội đồng quản trị)

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

KHU VỰC KINH DOANH

KHỐI DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Ông Bùi Thế Tân	Giám đốc Khối
Bà Hoàng Thị Xuân	Phó Giám đốc Khối
Ông Mai Hoàng Khánh Minh	Phó Giám đốc Khối
Bà Trương Phan Bình Minh	Phó Giám đốc Khối

KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Bà Nguyễn Thanh Hương	Giám đốc Khối
Ông Hà Việt Thắng	Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng đầu tư khu vực phía Nam
Bà Haru Omura	Giám đốc bộ phận Xúc tiến Đầu tư Nhật Bản

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

Bà Đặng Thị Hồng Phương	Tổng Giám đốc
Bà Thân Hiền Anh	Phó Tổng Giám đốc

KHỐI ĐẦU TƯ

Bà Nguyễn Thu Hồng	Giám đốc Nguồn vốn
Ông Phạm Trường Sơn	Giám đốc Đầu tư

CÁC CHI NHÁNH

Ông Nguyễn Chí Trung	Quyền Giám đốc - Chi nhánh Hải Phòng
Ông Nguyễn Hoài Anh	Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Ông Nguyễn Duy Tuân	Quyền Giám đốc chi nhánh Trần Bình Trọng
Bà Đào Nhật Mai	Giám đốc chi nhánh Nguyễn Công Trứ
Ông Huỳnh Thành Nam	Phó Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

KHU VỰC HỖ TRỢ

KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ	
Bà Lê Lệ Hằng	Giám đốc Khối
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính
Bà Hoàng Thị Minh Thủy	Quyền Kế toán trưởng
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
Ông Nguyễn Hoài Anh	Giám đốc Phát triển hệ thống
LUẬT, KIỂM SOÁT NỘI BỘ	
Ông Nguyễn Kim Long	Giám đốc
KIỂM TOÁN NỘI BỘ	
Ông Trần Dương Anh Việt	Giám đốc

CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

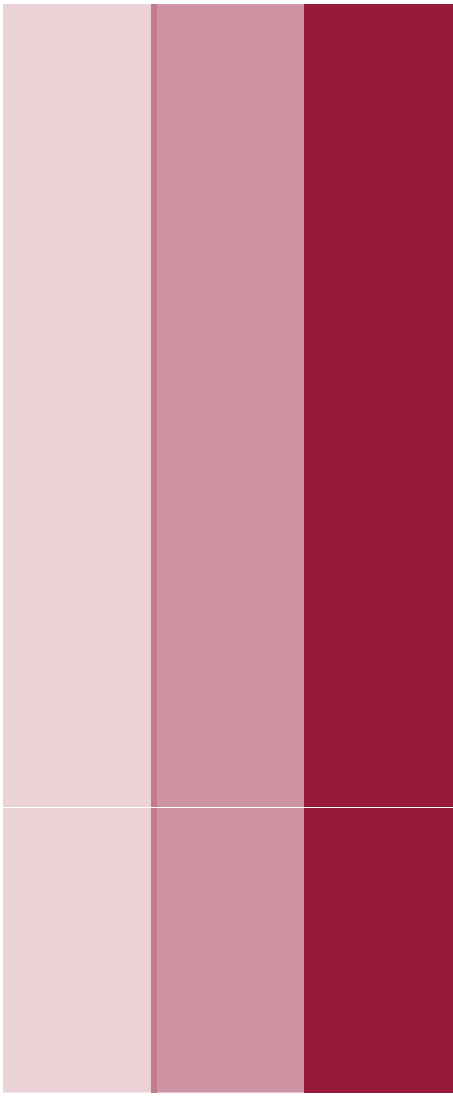
Tổng số nhân viên đang làm việc cho SSI cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 395 người. Toàn bộ cán bộ nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Ngoài ra, Công ty còn tài trợ chi phí mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên theo chương trình bảo hiểm Vietnam Care, sản phẩm của Bảo Việt và GRAS SAVOYE WILLIS VIETNAM với mức bồi thường tối đa lên đến 10.000 USD. Thu nhập bình quân của nhân viên đạt 6.000.000 đồng/người/tháng. Các thành viên của Ban Giám đốc được hưởng thu nhập bao gồm lương, thưởng như mọi cán bộ nhân viên, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị và chức danh Kế toán Trưởng

Trong năm 2008 có sự thay đổi thành viên HĐQT, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 21/4/2008 đã miễn nhiệm ông Tatsuoka Toyoji và bầu bổ sung ông Akihiko Kanamura, đại diện Daiwa.

Thay đổi Kế toán trưởng: Ngày 25/7/2008, Công ty đã công bố thông tin miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Bà Phạm Tâm Hạnh kể từ ngày 01/8/2008 và bổ nhiệm bà Hoàng Thị Minh Thủy, nguyên Kế toán trưởng Chi nhánh Nguyễn Công Trứ, giữ chức vụ Quyền Kế toán trưởng Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn kể từ ngày ngày 01/8/2008.



CÁC THÔNG TIN KHÁC

Thông tin cổ đông và Quản trị công ty
Phụ lục

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát được trình bày chi tiết tại mục cơ cấu tổ chức.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trongtỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT tại ngày lập báo cáo tháng 3 năm 2009

	Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND số Giấy ĐKKD	Quốc tịch	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại thời điểm 30/01/2009	
				Số lượng	Tỷ lệ
I -	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Duy Hưng				
	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	220895567	Việt Nam	14.252.518	9,30%
2	Nguyễn Hồng Nam				
	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	024214771	Việt Nam	7.843.984	5,12%
3	Ngô Văn Điểm				
	Thành viên HĐQT	010026227	Việt Nam	15.000	0,01%
4	Australia And New Zealand Banking Group Limited				
	Thành viên HĐQT				
	Đại diện: Ông Gilles Planté	ACN005357522	Australia	27.601.890	18,00%
5	Daiwa Securities Group Inc.				
	Thành viên HĐQT				
	Đại diện: Ông Akihiko Kanamuara	0199-01-008855	Nhật Bản	16.165.890	10,54%
	Tổng cộng			65.879.282	42,96%
II -	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT				
1	Nguyễn Văn Khải				
	Trưởng BKS	021680111	Việt Nam	181.236	0,12%
2	Đặng Phong Lưu				
	Thành viên BKS	023455504	Việt Nam	104.420	0,07%
3	Hồ Thị Hương Trà				
	Thành viên BKS	011855565	Việt Nam	22,084	0,01%
	Tổng cộng			307.740	0,20%
III -	THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Nguyễn Duy Hưng				
	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	220895567	Việt Nam	14.252.518	9,30%
2	Nguyễn Hồng Nam				
	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	024214771	Việt Nam	7.843.984	5,12%
	Tổng cộng			22.096.502	14,41%
IV -	KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Hoàng Thị Minh Thủy				
	Quyền Kế toán trưởng	023529105	Việt Nam	60	0.00%
	Tổng cộng			60	0.00%

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan (thống kê đến 31/12/2008)
(Xem phụ lục 1)

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ phiếu Đến ngày 31/12/2008, vốn điều lệ của Công ty là 1.366.666.710.000 đồng, được chia thành 136.666.710 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty không có các loại cổ phần ưu đãi khác.

Trái phiếu Công ty đã phát hành tổng cộng 5.555.600 trái phiếu chuyển đổi, trong đó đã thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông hai lần như sau:

Lần 1: ngày 30/01/2008 chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0106 thành 16.666.800 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 1.199.998.710.000 đồng lên 1.366.666.710.000 đồng;
Lần 2: ngày 30/01/2009 chuyển đổi 1.666.680 trái phiếu SSICB0206 thành 16.666.800 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 1.366.666.710.000 đồng lên 1.533.334.710.000 đồng.

Còn lại 2.222.240 trái phiếu SSICB0306 sẽ được chuyển đổi chậm nhất vào ngày 30/01/2010 theo phương án phát hành trái phiếu.

Cổ tức Ngày 28/11/2008, Công ty đã chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức cho năm 2008 với mức cổ tức bằng 10%/mệnh giá bằng tiền mặt, tổng giá trị 134.918.440.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 sẽ quyết định mức cổ tức cho cả năm căn cứ kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán.

Cơ cấu cổ đông Căn cứ danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 28/11/2008 để tạm ứng cổ tức và cơ cấu cổ đông sau khi chuyển đổi trái phiếu SSICB0206 thì cơ cấu vốn cổ đông và cơ cấu sở hữu của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này phân loại theo cổ đông góp vốn trong nước hoặc nước ngoài và tỷ lệ sở hữu như sau:
(Xem Phụ lục 2)

Cơ cấu vốn góp và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn xem tại Phụ lục 3

PHỤ LỤC 1

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ NĂM 2008

	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	NLQ
1	Đặng Ngọc Phương	NLQ	Đặng Phong Lưu / TV BKS
2	Nguyễn Đông Hải	NLQ	Nguyễn Thị Thanh Hà / GĐ tài chính
3	Nguyễn Vân Hương	GĐ PTKD	
4	Huỳnh Quốc Hưng	NLQ	Phạm Tâm Hạnh / KTT
5	Nguyễn Mạnh Hùng	NLQ	Nguyễn Duy Hưng /Nguyễn Hồng Nam / TVHĐQT/BGĐ
6	ANZ	NLQ / CĐ lớn	Gilles Planté / TV HĐQT
7	Nguyễn Đông Hải	NLQ	Nguyễn Thị Thanh Hà / GĐ tài chính
8	Nguyễn Văn Quang	NLQ	Nguyễn Văn Khải / Trưởng BKS
9	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	
10	ANZ	NLQ / CĐ lớn	Gilles Planté / TV HĐQT
11	Bùi Thế Tân	GĐ Khối DVCK	
12	Đặng Phong Lưu	TV BKS	
13	Hồ Thị Hương Trà	TV BKS	
14	Daiwa Securities Group Inc.	NLQ	Akihiko Kanamura / TV HĐQT
15	ANZ	NLQ / CĐ lớn	Gilles Planté / TV HĐQT
16	Hồ Thị Hương Trà	TV BKS	
17	ANZ	NLQ / CĐ lớn	Gilles Planté /TV HĐQT
18	Đặng Ngọc Phương	NLQ	Đặng Phong Lưu / TV BKS
19	ANZ	NLQ / CĐ lớn	Gilles Planté / TV HĐQT

SLSH trước khi GD	Thực hiện				SLSH sau GD	Tỷ lệ sở hữu sau GD
	Mua	Bán	Khác	Ngày thực hiện /kết thúc giao dịch		
15.650		-		Không thực hiện	15.650	0,011%
2.000		2.000		30/1/2008	-	0,000%
498.840			134.950	13/5/2008	363.890	0,266%
25.530		20.000		4/3/2008	5.530	0,004%
2.286.360	100.000			1/4 - 11/4/2008	2.386.360	1,746%
13.666.800	1.900.000			23/05/2008	15.566.800	11,390%
1.000	300			8/4/2008	1.300	0,001%
18.768		18.760		13/6/2008	8	0,000%
262.836		84.000		30/5 - 16/6/2008	178.836	0,131%
15.566.800	3.416.700			23/6/2008	18.983.500	13,890%
495.360		300.000		18/6/2008	195.360	0,143%
176.820		100.000		19/6-20/6/2008	76.820	0,056%
66.084		18.000		23/6/2008	48,084	0,035%
6.315.120	8.673.390			25/6-29/8/2008	14.988.510	10,967%
18.983.500	5.147.160			4/7-6/8/2008	24.130.660	17,657%
48.084		26.000		3/7/2008	22.084	0,016%
24.130.660	947.350			28/8-27/10/2008	25.078.010	18,350%
23.475		3.000		25/9-25/12/2008	20.475	0,015%
25.078.010	-			Không mua được	25.078.010	18,350%

PHỤ LỤC 2

I. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU NGÀY 28/11/2008 (ngày chốt danh sách cổ đông để thanh toán cổ tức đợt 1/2008)

1. Cơ cấu cổ đông

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC		CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
TỔNG SỐ VỐN CHỦ SỞ HỮU	72.693.530	53,19%	63.973.141	46,81%	136.666.671	100,00%
1. CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	-	-	-	-	-	-
2. CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT	19.782.292	14,47%	40.066.520	29,32%	59.848.812	43,79%
CỔ ĐÔNG HĐQT	19.504.522	14,27%	40.066.520	29,32%	59.571.042	43,59%
BAN GIÁM ĐỐC	-	0,00%	-	-	-	0,00%
BAN KIỂM SOÁT	277.740	0,20%	-	-	277.740	0,20%
KẾ TOÁN TRƯỞNG	30	0,00%	-	-	30	0,00%
CỔ ĐÔNG KHÁC (SÁNG LẬP...)	-	-	-	-	-	-
3. CỔ ĐÔNG KHÁC	51.163.007	37,44%	23.906.621	17,49%	75.069.628	54,93%
4. CỔ PHIẾU QUỸ	1.748.231	1,28%			1.748.231	1,28%

2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

DANH MỤC	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC		CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ (%)
TỔNG SỐ VỐN CHỦ SỞ HỮU	726.935.300.000	53,19%	639.731.410,000	46,81%	1.366.666.710.000	100,00%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TRÊN 5%	126.841.580.000	9,28%	400.665.200,000	29,32%	527.506.780.000	38,60%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 1 ĐẾN 5%	126.799.550.000	9,28%	77.614.750,000	5,68%	204.414.300.000	14,96%
CỔ ĐÔNG SỞ HỮU DƯỚI 1 %	473.294.170.000	34,63%	161.451.460,000	11,81%	634.745.630.000	46,44%
TỔNG CỘNG	726.935.300.000	5,19%	639.731.410.000	46,81%	1.366.666.710.000	100,00%

II. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHUYỂN ĐỔI TỪ TRÁI PHIẾU NGÀY 30/01/2009

1. Cơ cấu vốn cổ đông

Đơn vị tính: VNĐ

	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG		
DANH MỤC	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ(%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ(%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	**11.286.430**	**112.864.300.000**	**67,72%**	**5.380.370**	**53.803.700.000**	**32,28%**	**16.666.800**	**166.668.000.000**	**100%**
1. Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ đông đặc biệt	2.637.010	26.370.100.000	15,82%	3.701.260	37.012.600.000	22,21%	6.338.270	63.382.700.000	38,03%
Hội đồng quản trị	2.606.980	26.069.800.000	15,64%	3.701.260	37.012.600.000	22,21%	6.308.240	63.082.400.000	37,85%
Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	-	
Ban kiểm soát	30.000	300.000.000	0,18%	-	-	0,00%	30.000	300.000.000	0,18%
Quyền Kế toán trưởng	30	300.000	0,00%	-	-	0,00%	30	300.000	0,00%
3. Cổ đông trong công ty	247.820	2.478.200.000	1,49%	-	-	-	247.820	2.478.200.000	1,49%
Cán bộ công nhân viên(**)	247.820	2.478.200.000	1,49%	-	-	-	247,820	2.478.200.000	1,49%
4. Cổ đông ngoài công ty	8.401.600	84.016.000.000	50,41%	1.679.110	16.791.100.000	10,07%	10.080.710	100.807.100.000	60,48%
Cá nhân	7.182.370	71.823.700.000	43,09%	68.850	688.500.000	0,41%	7.251.220	72,512.200.000	43,51%
Tổ chức	1.219.230	12.192.300.000	7,32%	1.610.260	16.102.600.000	9,66%	2.829.490	28.294.900.000	16,98%
II. Cổ phiếu quỹ	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.000.000*** **	**-**	**-**

Ghi chú: (*): không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT / (**): Cổ Đông là CBNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS và KTT
(***): Số lượng cổ phiếu quỹ được tính vào ngày 18/2/2009

2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC			CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI			TỔNG		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	**11.286.430**	**112.864.300.000**	**67,72%**	**5.380.370**	**53.803.700.000**	**32,28%**	**16.666.800**	**166.668.000.000**	**100%**
Cổ đông sáng lập	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	-	0,00%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.606.980	26.069.800.000	15,64%	3.701.260	37.012.600.000	22,21%	6.308.240	63.082.400.000	37,85%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.211.200	22.112.000.000	13,27%	1.400.260	14.002.600.000	8,40%	3.611.460	36.114.600.000	21,67%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	6.468.250	64.682.500.000	38,81%	278.850	2.788.500.000	1,67%	6.747.100	67.471.000.000	40,48%

PHỤ LỤC 3

THỐNG KÊ TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN ĐẾN NGÀY 30/01/2009
(Đã bao gồm phần cổ phiếu mới chuyển đổi từ trái phiếu SSICB0206)

		Họ và tên/tên giao dịch đối với tổ chức	Số giấy CMND/ số Giấy ĐKKD	Số lượng cổ phiếu sở hữu sau khi chuyển đổi (tại thời điểm 30/01/2009)	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nguyễn Duy Hưng		220895567	14.252.518	9,30%
2	Australia and New Zealand Banking Group Limited		ACN005357522	27.601.890	18,00%
3	Daiwa Securities Group Inc.		0199-01-008855	16.165.890	10,54%
4	Nguyễn Hồng Nam		024214771	7.843.984	5,12%

Ghi chú
(5): tính trên vốn điều lệ 1.533.334.710.000 đồng sau khi chuyển đổi trái phiếu SSICB0206

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

HỘI SỞ
72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel. 08 38 242897 Fax: 08 38 242997

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI
1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel. 04 39366321 Fax: 04 39366311

CHI NHÁNH NGUYỄN CÔNG TRỨ
92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel. 08 38218567 Fax: 08 32910590

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel. 04 39366321 Fax: 04 39366311

CHI NHÁNH TRẦN BÌNH TRỌNG
25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel. 04 39426718 Fax: 04 39426719

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải phòng
Tel. 031 3569123 Fax: 031 3569130

CHI NHÁNH VŨNG TÀU
Số 4 Lê Lợi, Tp. Vũng Tàu (KS Pacific)
Tel. 064)3 521 906 Fax: 064 3 521 907

PHÒNG GIAO DỊCH 3-2
Số 03, đường 3/2, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 08 38181450 Fax: 08 38181451

PHÒNG GIAO DỊCH HỒNG BÀNG
Số 769, Hồng Bàng, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 08 39695898 Fax: 08 39695894

PHÒNG GIAO DỊCH PVFC - SSI
Số 208, Nguyễn Trãi, quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 08 39257778 Fax: 08 39256861

PHÒNG GIAO DỊCH PVFC – SSI
Tầng trệt, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.
Tel: 04 37940112 Fax: 04 37940114

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN >>> WWW.SSI.COM.VN





